

QUY ĐỊNH

**về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm,
giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ,
từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ**

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam; Quy định số 294-QĐ/TW, ngày 26/5/2025 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XIII) về thi hành Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy định số 305-QĐ/TW, ngày 13/6/2025 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương;
- Căn cứ Quy định số 377-QĐ/TW, ngày 08/10/2025 của Bộ Chính trị về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Thành ủy,

Ban Thường vụ Thành ủy quy định về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ, như sau:

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Quy định này quy định mục đích, yêu cầu, nguyên tắc, nội dung, trách nhiệm, thẩm quyền trong quản lý cán bộ và nguyên tắc, trách nhiệm, thẩm quyền, tiêu chuẩn, điều kiện, thủ tục, quy trình quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, biệt phái, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ.

2. Quy định này áp dụng đối với các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, địa phương, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị thành phố.

Điều 2. Mục đích, yêu cầu

1. Cụ thể hoá các chủ trương, nghị quyết, kết luận của Đảng, bảo đảm chặt chẽ, dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ.

2. Bảo đảm đồng bộ, thống nhất, tổng thể, liên thông trong công tác cán bộ. Đánh giá cán bộ thường xuyên, khách quan, công tâm, chính xác; quy hoạch, lựa chọn và bố trí đúng cán bộ; thực hiện có hiệu quả cơ chế "có vào, có ra, có lên, có xuống" trong công tác cán bộ; đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và tình hình thực tiễn đặt ra.

3. Tăng cường sự lãnh đạo của Thành uỷ, Ban Thường vụ Thành uỷ đối với công tác cán bộ; bảo đảm sự chuyển tiếp vững vàng giữa các thế hệ; chủ động xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là người đứng đầu cấp uỷ, địa phương, cơ quan, đơn vị có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ trong giai đoạn mới; gắn bó mật thiết với Nhân dân.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý cán bộ

1. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ:

1.1. Thành uỷ, Ban Thường vụ Thành uỷ quyết định chủ trương, chính sách, tiêu chuẩn, quy chế, quy định về công tác cán bộ và lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện thông qua các cấp uỷ, đảng viên trong các cơ quan, tổ chức của hệ thống chính trị thành phố; các tổ chức kinh tế nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập của thành phố.

1.2. Thành uỷ, Ban Thường vụ Thành uỷ xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của hệ thống chính trị; trực tiếp quản lý đội ngũ cán bộ, trước hết là cán bộ lãnh đạo chủ chốt thành phố, cấp uỷ, địa phương, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị thành phố.

1.3. Thành uỷ, Ban Thường vụ Thành uỷ phân công, phân cấp công tác quản lý cán bộ, quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử cho các cấp uỷ, tổ chức đảng; thường xuyên kiểm tra, giám sát các ngành, các cấp trong việc tổ chức thực hiện.

2. Thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể quyết định; đồng thời, phát huy đầy đủ trách nhiệm của cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo và cá nhân liên quan, trước hết là người đứng đầu trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ:

2.1. Những vấn đề về chủ trương, chính sách, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, tuyển chọn, bố trí, sử dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; phong, thăng, giáng, tước quân hàm (theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền); tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật, thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ phải do cấp uỷ, tổ chức đảng và tập thể lãnh đạo có thẩm quyền thảo luận dân chủ, quyết định theo đa số. Trường hợp ý kiến của người đứng đầu và ý kiến của tập thể cấp uỷ, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị khác nhau thì phải báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2.2. Người đứng đầu cấp uỷ, tổ chức đảng, địa phương, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm đề xuất và tổ chức thực hiện quyết định của tập thể về công tác cán bộ và cán bộ trong phạm vi được phân công phụ trách.

2.3. Cán bộ, đảng viên phải chấp hành, thực hiện nghị quyết, quyết định của cấp uỷ, tổ chức đảng; cấp uỷ cấp dưới phải chấp hành quyết định của cấp uỷ cấp trên về công tác cán bộ và cán bộ.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. Công tác cán bộ là các đường lối, chủ trương, chính sách, quy định về phân cấp quản lý, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, tuyển chọn, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; phong, thăng, giáng, tước quân hàm; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật, thực hiện chế độ, chính sách; kiểm tra, kiểm soát, giám sát... đối với cán bộ nhằm lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng và quản lý đội ngũ cán bộ.

2. Phân cấp quản lý cán bộ là quyết định của cấp có thẩm quyền phân cấp hoặc uỷ quyền cho các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị tham gia hoặc trực tiếp quản lý một số khâu trong công tác cán bộ đối với chức danh cán bộ thuộc diện cấp trên quản lý và quyết định các khâu trong công tác cán bộ đối với chức danh cán bộ thuộc diện các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị quản lý theo quy định.

3. Bổ nhiệm cán bộ là quyết định, quy định của cấp có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ vào chức vụ cao hơn, tương đương hoặc thấp hơn chức vụ đang đảm nhiệm (khi cán bộ có vi phạm, khuyết điểm hoặc không đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ hoặc do sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy).

4. Quy hoạch cán bộ là quyết định của cấp có thẩm quyền quy hoạch cán bộ vào chức danh cao hơn chức vụ đang đảm nhiệm.

5. Cho thôi giữ chức vụ là quyết định của cấp có thẩm quyền cho cán bộ chấm dứt chức vụ đang đảm nhiệm để bố trí công tác khác hoặc nghỉ công tác, nghỉ hưu (không bao gồm các trường hợp được bổ nhiệm, điều động, luân chuyển hoặc được bố trí công tác khác theo yêu cầu công tác cán bộ).

6. Từ chức là việc cán bộ tự nguyện xin thôi giữ chức vụ đang đảm nhiệm khi chưa hết nhiệm kỳ, hết thời hạn bổ nhiệm và được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

7. Miễn nhiệm là quyết định của cấp có thẩm quyền chấm dứt chức vụ đang đảm nhiệm đối với cán bộ nhưng chưa đến mức cách chức.

8. Vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại lớn, gây dư luận xấu trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân, làm giảm uy tín của bản thân và tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị nơi đảng viên sinh hoạt, công tác.

9. Vi phạm gây hậu quả rất nghiêm trọng là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại rất lớn, gây dư luận xấu, rất bức xúc trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân, làm mất uy tín của bản thân và tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị nơi đảng viên sinh hoạt, công tác.

10. Tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ là quyết định của cấp có thẩm quyền dừng việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao của cán bộ trong một thời hạn nhất định. Tạm đình chỉ công tác không phải là hình thức kỷ luật.

11. Đưa ra khỏi quy hoạch đối với cán bộ là quyết định của cấp có thẩm quyền đưa cán bộ ra khỏi quy hoạch chức danh đã được phê duyệt quy hoạch.

Chương II

PHÂN CẤP QUẢN LÝ CÁN BỘ

Điều 5. Nội dung

1. Phân cấp quản lý cán bộ.
2. Đánh giá cán bộ.
3. Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.
4. Tuyển chọn, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; phong, thăng, giáng, tước quân hàm; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch đối với cán bộ.
5. Khen thưởng, kỷ luật cán bộ.
6. Thực hiện chế độ, chính sách cán bộ.
7. Kiểm tra, kiểm soát, giám sát việc thực hiện nội dung phân cấp, uỷ quyền trong công tác cán bộ.
8. Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong công tác cán bộ và cán bộ.

Điều 6. Trách nhiệm quản lý và quyết định đối với cán bộ

1. Thành uỷ định hướng và quyết định những chủ trương, nội dung quan trọng về công tác cán bộ và cán bộ diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý theo Quy chế làm việc và quy định của Trung ương.

2. Ban Thường vụ Thành uỷ quản lý, trực tiếp quyết định một số nội dung trong công tác cán bộ; phân công, phân cấp cho các cấp uỷ, tổ chức đảng quyết định một số nội dung trong công tác cán bộ đối với các chức danh diện Ban Thường vụ Thành uỷ quản lý và một số chức danh cán bộ khác theo đề nghị của cấp uỷ, cơ quan, đơn vị; uỷ quyền cho Thường trực Thành uỷ, Bí thư Thành uỷ, Phó Bí thư Thành uỷ quyết định một số khâu, nội dung trong công tác cán bộ.

3. Cấp ủy, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý và sử dụng cán bộ đang công tác, sinh hoạt đảng ở địa phương, cơ quan, đơn vị, trong đó có cán bộ thuộc diện cấp trên quản lý và chịu trách nhiệm trước cấp có thẩm quyền về phạm vi, nội dung được phân cấp, ủy quyền trong quản lý cán bộ. Cấp ủy, tổ chức đảng và người đứng đầu có trách nhiệm định kỳ báo cáo cấp trên về tình hình đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý của cấp trên theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

4. Trường hợp một người đồng thời được giao đảm nhiệm nhiều chức vụ thuộc thẩm quyền quản lý của các cấp khác nhau thì cấp quản lý chức vụ cao nhất của người đó xem xét, quyết định.

5. Cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc kiểm tra, giám sát, lấy phiếu tín nhiệm theo quy định; xem xét, quyết định hoặc đề nghị khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ chính sách theo quy định của cấp có thẩm quyền; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch đối với cán bộ được phân cấp quản lý hoặc trong phạm vi được phân công phụ trách.

Điều 7. Trách nhiệm và quyền hạn của Thành ủy

1. Chịu trách nhiệm trước Bộ Chính trị, Ban Bí thư việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quy chế, quy định, quyết định của Trung ương về công tác cán bộ và cán bộ tại thành phố.

2. Lãnh đạo toàn diện công tác cán bộ, quản lý đội ngũ cán bộ, thực hiện chính sách cán bộ trong hệ thống chính trị, quyết định công tác cán bộ bảo đảm đúng nguyên tắc, nội dung, quy trình, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Trung ương, Quy chế làm việc về phân cấp quản lý cán bộ.

3. Trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định đối với nhân sự Bí thư, Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố; xem xét, giới thiệu và đề nghị chỉ định, bổ sung Ủy viên Thành ủy, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy.

4. Căn cứ quy định, hướng dẫn của Trung ương, đề xuất số lượng Ủy viên Thành ủy; quyết định số lượng Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Thành ủy; điều chỉnh cơ cấu Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy ngoài cơ cấu Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Thành ủy được xác định theo quy định của Bộ Chính trị.

5. Bầu Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Bí thư, Phó Bí thư Thành ủy; bầu Ủy viên Ủy ban Kiểm tra, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thành ủy.

6. Chuẩn bị nhân sự Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố khoá mới theo quy định của Trung ương.

7. Giới thiệu nhân sự để Hội đồng nhân dân thành phố bầu Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố; tham gia ý kiến giới thiệu nhân sự

Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố trước khi Ban Thường vụ Thành ủy quyết định giới thiệu để Hội đồng nhân dân thành phố bầu; tham gia ý kiến về nhân sự Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố để Ban Thường vụ Thành ủy giới thiệu cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

8. Lãnh đạo công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố, cấp xã và bầu cử đại biểu Quốc hội tại thành phố.

9. Ủy nhiệm cho Ban Thường vụ Thành ủy quyết định kiểm tra, giám sát công tác cán bộ tại thành phố.

Điều 8. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Thường vụ Thành ủy

1. Quyết định phân công công tác đối với các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Ủy viên Thành ủy.

2. Quyết định tuyển chọn, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chính sách đối với các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý theo phân cấp quản lý cán bộ. Quyết định, thẩm tra, xác minh, kết luận và bố trí cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý có vấn đề chính trị cần xem xét.

3. Cho ý kiến trước khi trình các cơ quan có thẩm quyền quyết định: Khen thưởng cho cá nhân diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý; các hình thức khen thưởng: Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập (các hạng), Thành phố Anh hùng, Giải thưởng Hồ Chí Minh, giải thưởng Nhà nước đối với tập thể và cá nhân.

4. Chuẩn bị nhân sự để Thành ủy xem xét, quyết định đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư giới thiệu ứng cử các chức danh: Bí thư, Phó Bí thư Thành ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố; chỉ định bổ sung Ủy viên Thành ủy; giới thiệu nhân sự để Thành ủy bầu Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy.

5. Đề nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư đánh giá, quy hoạch, bố trí, phân công, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật; nghỉ hưu trước tuổi; thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh cán bộ thuộc quyền quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư công tác tại thành phố. Cho ý kiến về nhân sự dự kiến điều động, luân chuyển về các địa phương, cơ quan, đơn vị và việc xét, phong, thăng quân hàm cấp tướng (nếu có) khi có yêu cầu của Trung ương.

6. Cho chủ trương trước khi trình Thành ủy quyết định điều chỉnh cơ cấu Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy ngoài cơ cấu được xác định theo quy định của Bộ Chính trị.

7. Phê duyệt phương án nhân sự đại hội các đảng bộ trực thuộc; đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố.

8. Quyết định phân cấp quản lý cán bộ đối với các cấp ủy, tập thể lãnh đạo trực thuộc hệ thống chính trị thành phố.

9. Quyết định số lượng cấp phó các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Thành ủy, cấp phó Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố; số lượng cấp phó các sở, ngành thành phố, số lượng phó chủ tịch hội đồng nhân dân, phó chủ tịch ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu theo quy định.

10. Quyết định kiểm tra, giám sát công tác cán bộ của các cấp ủy trong Đảng bộ thành phố.

11. Tham gia ý kiến với Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương, Đảng ủy Quân khu 3 về đánh giá, quy hoạch, bố trí, điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, đình chỉ chức vụ, từ chức, thôi giữ chức, khen thưởng, kỷ luật đối với Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng; Chính ủy, Phó Chính ủy Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố; Giám đốc, Phó Giám đốc Công an thành phố.

12. Cho ý kiến về cơ cấu đại biểu Quốc hội ở thành phố; số lượng, cơ cấu đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố; quyết định giới thiệu nhân sự ở thành phố ứng cử đại biểu Quốc hội và giới thiệu cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố.

13. Lãnh đạo, tổ chức việc lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý theo quy định.

14. Quyết định về việc đi công tác, học tập kinh nghiệm ở nước ngoài đối với đoàn công tác cấp thành phố. Quyết định về việc đi công tác, học tập kinh nghiệm ở nước ngoài đối với đoàn công tác cấp thành phố do các đồng chí Thường trực Thành ủy làm trưởng đoàn.

15. Định kỳ báo cáo Thành ủy về công tác cán bộ theo Quy chế làm việc.

Điều 9. Ban Thường vụ Thành ủy uỷ quyền một số việc sau đây

1. Uỷ quyền cho Thường trực Thành ủy:

1.1. Chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và của Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy về công tác cán bộ và quản lý cán bộ.

1.2. Quyết định thẩm tra cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý khi có vấn đề phải xem xét về tiêu chuẩn chính trị theo quy định của Bộ Chính

trị và một số vấn đề quan trọng khác về cán bộ (bằng cấp, học hàm, học vị, độ tuổi, tài sản, thu nhập...) để Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, kết luận. Kết luận về tiêu chuẩn chính trị đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý (trừ các chức danh phân cấp cho cấp ủy cấp xã thực hiện) không có vấn đề phải xem xét về tiêu chuẩn chính trị.

1.3. Quản lý chung về cơ cấu, số lượng, chất lượng, quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; thực hiện chính sách đối với đội ngũ cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý.

1.4. Thực hiện các nội dung quản lý cán bộ thuộc danh mục chức danh được Ban Thường vụ Thành ủy ủy quyền theo phân cấp quản lý cán bộ.

1.5. Cho chủ trương thực hiện quy trình tuyển chọn, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chính sách đối với các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý trước khi trình Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, quyết định theo phân cấp quản lý cán bộ.

1.6. Nhận xét, đánh giá đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý.

1.7. Quyết định: Tuyển chọn, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chính sách đối với các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý được ủy quyền quyết định.

1.8. Cho ý kiến về các hình thức biểu dương, khen thưởng: Huân chương Lao động (các hạng) trước khi trình Thủ tướng Chính phủ; các danh hiệu: Nhà giáo Nhân dân, Thầy thuốc Nhân dân, Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ nhân Nhân dân, Chiến sỹ thi đua toàn quốc, Anh hùng Lao động, Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân; các danh hiệu đặc thù của thành phố; bằng khen của Thủ tướng Chính phủ đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý; quyết định tặng Bức trướng của Thành ủy.

1.9. Cho ý kiến về bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, nghỉ hưu, thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm, từ chức của cán bộ thuộc quyền quản lý của cấp ủy, các cơ quan nhà nước hoặc tổ chức quần chúng đối với các trường hợp mà các cấp ủy, cơ quan, đơn vị thấy cần phải xin ý kiến Thường trực Thành ủy trước khi quyết định.

1.10. Chỉ đạo các cơ quan chức năng hướng dẫn công tác kê khai, công khai tài sản, thu nhập theo quy định của Đảng và Nhà nước.

1.11. Chỉ đạo tổ chức tuyển chọn đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý để trình Ban Thường vụ Thành ủy quyết định theo quy định của Đảng và Nhà nước để phục vụ yêu cầu về công tác cán bộ.

1.12. Tham gia ý kiến với đảng uỷ, cơ quan, đơn vị ở Trung ương về đánh giá, quy hoạch, bố trí, điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, đình chỉ chức vụ, từ chức, thôi giữ chức, khen thưởng, kỷ luật đối với nhân sự cấp trưởng, cấp phó thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của ngành dọc ở Trung ương và sinh hoạt đảng tại Đảng bộ thành phố (ngoài các chức danh quy định tại Khoản 11, Điều 8).

1.13. Định hướng chủ trương về đề án nhân sự đại hội các đảng bộ trực thuộc Thành uỷ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố. Cho ý kiến về phương án (đề án) nhân sự đại hội của các tổ chức chính trị - xã hội thành phố.

1.14. Quyết định việc thực hiện chế độ và chính sách tiền lương đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Thành uỷ quản lý. Quyết định danh mục, vị trí việc làm các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp thuộc Thành uỷ và cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp thuộc Đảng uỷ cấp xã; danh mục, vị trí việc làm Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và cấp xã:

a) Ủy quyền đồng chí Phó Bí thư Thường trực Thành uỷ quyết định:

- Bổ nhiệm, xếp lương ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương, viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng 1 sau khi có ý kiến phê duyệt của cơ quan Trung ương có thẩm quyền; nâng bậc lương trước thời hạn cho cán bộ, công chức; nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp theo lương đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Thành uỷ quản lý khỏi các cơ quan đảng.

- Thực hiện chính sách tiền lương theo quy định đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Thành uỷ quản lý thuộc các cơ quan đảng.

- Chi trợ cấp khó khăn, ốm đau, bệnh tật, hỗ trợ tổ chức lễ tang, phúng viếng đối với cán bộ, thân nhân cán bộ, người có công và cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành uỷ quản lý theo quy định (trừ trường hợp đặc biệt vượt mức quy định); phê duyệt danh sách đối tượng nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc đối với cán bộ công tác tại các cơ quan đảng (ngoài diện Ban Thường vụ Thành uỷ quản lý).

b) Ủy quyền đồng chí Phó Bí thư Thành uỷ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định:

- Bổ nhiệm, chuyển ngạch, xếp lương ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương, viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng 1; nâng bậc lương trước thời hạn; nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp theo lương đối với cán bộ, công chức diện Ban Thường vụ Thành uỷ quản lý của các cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố.

- Thực hiện chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức diện Ban Thường vụ Thành uỷ quản lý của các cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, doanh nghiệp nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập thành phố.

- Quyết định khen thưởng (đối với các hình thức khen thưởng Bằng khen của Ủy ban nhân dân thành phố, Chiến sỹ thi đua cấp thành phố) cho các cán bộ diện Ban Thường vụ Thành uỷ quản lý.

c) Ủy quyền đồng chí Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố quyết định:

- Bổ nhiệm, chuyển ngạch, xếp lương ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương sau khi có ý kiến phê duyệt của các cơ quan Trung ương có thẩm quyền; nâng bậc lương trước thời hạn; nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp theo lương đối với cán bộ, công chức diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý của các cơ quan trực thuộc Hội đồng nhân dân thành phố.

- Thực hiện chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý của các cơ quan trực thuộc Hội đồng nhân dân thành phố.

d) Ủy quyền đồng chí Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố quyết định:

- Bổ nhiệm, chuyển ngạch, xếp lương ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương, viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng 1 (nếu có) sau khi có ý kiến phê duyệt của cơ quan Trung ương có thẩm quyền; nâng bậc lương trước thời hạn cho cán bộ, công chức; nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp theo lương đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý của Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội, các Hội quần chúng do Đảng, nhà nước giao nhiệm vụ ở thành phố (sau đây gọi là khối Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố).

- Thực hiện chính sách tiền lương theo quy định đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý thuộc khối Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố. Phê duyệt danh sách đối tượng nghỉ hưu trước tuổi, nghỉ thôi việc đối với cán bộ công tác tại khối Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố (ngoài diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý).

1.15. Chuẩn y kết quả bầu ủy viên ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy viên ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra của cấp ủy trực thuộc Thành ủy; chỉ định hoặc thí điểm chỉ định bổ sung và cho thôi ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ; ủy viên ủy ban kiểm tra, phó chủ nhiệm, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra của cấp ủy trực thuộc Thành ủy theo quy định của Điều lệ Đảng. Khi cần thiết chỉ định bí thư hoặc giao quyền bí thư, giao phụ trách đảng bộ trực thuộc Thành ủy.

1.16. Quyết định về việc cử, thôi cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng (trong nước, ngoài nước):

a) Thường trực Thành ủy quyết định đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý được cử, thôi cử đi đào tạo, bồi dưỡng ngoài nước (quy định tại Mục I, Mục II, Phụ lục 1).

b) Ủy quyền đồng chí Phó Bí thư Thường trực Thành ủy:

- Quyết định việc cử, thôi cử đi đào tạo, bồi dưỡng trong nước đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý khối cơ quan đảng.

- Quyết định việc cử, thôi cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài đối với cán bộ, công chức, viên chức ngoài diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý ở khối cơ quan đảng cấp thành phố và cấp xã.

c) Ủy quyền đồng chí Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố:

- Quyết định việc cử, thôi cử đi đào tạo, bồi dưỡng trong nước đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý khối các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân thành phố.

- Quyết định việc cử, thôi cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài đối với cán bộ, công chức, viên chức ngoài diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý ở khối các cơ quan chính quyền cấp thành phố và cấp xã.

d) Ủy quyền đồng chí Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố:

- Quyết định việc cử, thôi cử đi đào tạo, bồi dưỡng trong nước đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý khối các cơ quan thuộc Hội đồng nhân dân thành phố.

- Quyết định việc cử, thôi cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài đối với cán bộ, công chức, viên chức ngoài diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý ở khối các cơ quan thuộc Hội đồng nhân dân thành phố.

e) Ủy quyền đồng chí Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố:

- Quyết định việc cử, thôi cử đi đào tạo, bồi dưỡng trong nước đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý khối Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố.

- Quyết định việc cử, thôi cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài đối với cán bộ, công chức, viên chức ngoài diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý ở khối Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và cấp xã.

1.17. Quyết định về việc đi công tác, học tập kinh nghiệm, đi việc riêng ở nước ngoài; đi chữa bệnh ở nước ngoài đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý:

a) Thường trực Thành ủy quyết định về việc đi công tác, học tập kinh nghiệm, đi việc riêng ở nước ngoài; đi chữa bệnh ở nước ngoài đối với các chức danh Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Phó Trưởng đoàn chuyên trách Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố.

b) Ủy quyền đồng chí Phó Bí thư Thường trực Thành ủy quyết định về việc đi chữa bệnh ở nước ngoài theo phân cấp quản lý tài chính đối với các chức danh còn lại. Cho ý kiến về việc đi công tác, học tập kinh nghiệm, đi việc riêng ở nước

ngoài đối với các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý còn lại đang công tác ở khối đảng, bí thư, phó bí thư đảng ủy cấp xã.

c) Ủy quyền đồng chí Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định về việc đi công tác, học tập kinh nghiệm, đi việc riêng ở nước ngoài đối với các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý công tác tại các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Quyết định về việc đi công tác, học tập kinh nghiệm ở nước ngoài có sử dụng ngân sách nhà nước đối với cán bộ, công chức, viên chức ngoài diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý công tác tại các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, chính quyền cấp xã.

d) Ủy quyền đồng chí Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố quyết định về việc đi công tác, học tập kinh nghiệm, đi việc riêng ở nước ngoài đối với các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý đang công tác tại các cơ quan thuộc Hội đồng nhân dân thành phố (không bao gồm chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố). Quyết định về việc đi công tác, học tập kinh nghiệm ở nước ngoài có sử dụng ngân sách nhà nước đối với cán bộ, công chức, viên chức ngoài diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý công tác tại các cơ quan thuộc Hội đồng nhân dân thành phố.

e) Ủy quyền đồng chí Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố cho ý kiến về việc đi công tác, học tập kinh nghiệm, đi việc riêng ở nước ngoài đối với các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý khối Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố.

1.18. Quyết định về việc đi công tác, học tập kinh nghiệm ở nước ngoài đối với đoàn công tác cấp thành phố có trường đoàn là cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý (ngoài diện Ban Thường vụ Thành ủy cho ý kiến hoặc quyết định).

1.19. Quyết định việc đi công tác, đi việc riêng trong nước, ngoài thành phố và nghỉ phép

a) Cấp ủy, cơ quan, đơn vị tổ chức Đoàn công tác từ 03 ngày làm việc trở lên (thành viên đoàn từ 03 người trở lên, không tính lái xe) phải báo cáo và được sự đồng ý (bằng văn bản) của cấp có thẩm quyền.

b) Cán bộ đi công tác từ 03 ngày làm việc trở lên hoặc nghỉ phép phải báo cáo và được sự đồng ý (bằng văn bản) của cấp có thẩm quyền; trừ trường hợp đi công tác theo giấy triệu tập, giấy mời của cơ quan Trung ương, cơ quan ngành dọc cấp trên và giấy mời của các địa phương, cơ quan, đơn vị ngoài thành phố. Cán bộ đi công tác, đi việc riêng dưới 03 ngày làm việc phải báo cáo và được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền bằng hình thức phù hợp.

c) Không bố trí đồng thời bí thư cấp ủy và chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đi công tác cùng một thời điểm (trường hợp đặc biệt phải báo cáo đồng chí Bí thư Thành ủy xem xét, quyết định).

d) Người đứng đầu khi đi công tác, nghỉ phép phải phân công cán bộ điều hành, giải quyết công việc của cấp ủy, cơ quan, đơn vị mình.

e) Ủy quyền việc cho ý kiến đối với cán bộ đi công tác, đi việc riêng trong nước, ngoài thành phố và nghỉ phép như sau:

- Đồng chí Bí thư Thành ủy cho ý kiến đối với đoàn công tác và cá nhân các đồng chí Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch HĐND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố.

- Đồng chí Phó Bí thư Thường trực Thành ủy cho ý kiến đối với đoàn công tác và cá nhân người đứng đầu cơ quan, đơn vị ở khối đảng, bí thư cấp ủy cấp xã, Phó Bí thư Đảng ủy Các cơ quan đảng thành phố.

- Đồng chí Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố cho ý kiến đối với đoàn công tác và cá nhân Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Phó Bí thư Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố, chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Đồng chí Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố cho ý kiến đối với đoàn công tác và cá nhân Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố, người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuộc Hội đồng nhân dân thành phố.

- Đồng chí Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố cho ý kiến đối với đoàn công tác của Cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, cá nhân Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, cấp trưởng các tổ chức chính trị - xã hội, cấp trưởng các Hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở thành phố và các đơn vị trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố.

- Đồng chí Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố cho ý kiến đối với đoàn công tác và cá nhân đồng chí Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách.

- Đồng chí bí thư cấp ủy, trưởng các sở, ban, ngành cho ý kiến đối với phó bí thư cấp ủy, cấp phó các sở, ban, ngành và cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp.

f) Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy đi công tác, đi việc riêng trong nước, ngoài thành phố và nghỉ phép phải báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy chế này; đồng thời, phải báo cáo đồng chí Bí thư Thành ủy bằng hình thức phù hợp.

1.20. Cho ý kiến hiệp ý theo đề nghị của các cơ quan Trung ương về việc khen thưởng đối với tập thể và cá nhân thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy phối hợp quản lý. Phê duyệt phương án nhân sự đại hội các tổ chức chính trị - xã hội thành phố theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền (nếu có).

1.21. Chỉ đạo công tác chăm sóc sức khỏe và chính sách cán bộ; tổ chức tang lễ đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý.

1.22. Gợi ý kiểm điểm đối với tập thể cấp ủy trực thuộc Thành ủy; tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị và cá nhân cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý khi thấy cần thiết.

1.23. Quyết định hoặc cho ý kiến về việc giao cấp phó là cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý chịu trách nhiệm phụ trách điều hành công việc của cấp ủy, cơ quan, đơn vị khi khuyết cấp trưởng.

1.24. Cho ý kiến về việc giới thiệu cán bộ đương chức diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý tham gia Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp Trung ương; giới thiệu tham gia các tiểu ban, ban chỉ đạo cấp Trung ương và các tổ chức liên địa phương, liên vùng và theo yêu cầu nhiệm vụ.

1.25. Quyết định công nhận người hoạt động cách mạng trước tháng Tám năm 1945.

1.26. Thực hiện chính sách đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý đã thôi giữ chức vụ hiện đang cư trú tại thành phố theo sự uỷ nhiệm của Trung ương.

1.27. Thay mặt Ban Thường vụ Thành ủy giải quyết công việc về công tác cán bộ theo Quy chế làm việc và những công việc được Ban Thường vụ Thành ủy uỷ quyền. Chuẩn bị báo cáo những vấn đề về công tác cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định của Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy. Đối với một số trường hợp do yêu cầu về công tác cán bộ phải giải quyết ngay thì được quyết định và phải báo cáo Ban Thường vụ Thành ủy tại hội nghị gần nhất.

1.28. Quyết định hoặc cho ý kiến về việc chuyển công tác ra khỏi Đảng bộ thành phố đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý.

1.29. Lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức chung giữa khối đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố với khối chính quyền địa phương.

1.30. Cho chủ trương về phân bổ số lượng biên chế cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị thành phố (theo phân cấp) trước khi cấp có thẩm quyền quyết định.

1.31. Cho ý kiến kiện toàn bổ sung ủy viên ban thường vụ đảng ủy, phó chủ tịch hội đồng nhân dân, phó chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã. Quyết định hoặc cho ý kiến về việc điều động, bổ sung, tăng cường cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp xã theo chỉ đạo của Trung ương hoặc chủ trương của Ban Thường vụ Thành ủy khi cần thiết.

2. Ủy quyền cho người đứng đầu các cấp ủy, cơ quan, đơn vị quyết định về

việc tổ chức đoàn công tác (ngoài diện Thường trực Thành uỷ cho ý kiến); cấp phó của người đứng đầu và tương đương trở xuống đi công tác, học tập kinh nghiệm, đi việc riêng trong nước ngoài thành phố và nghỉ phép theo quy định. Quyết định hoặc cho ý kiến về việc đi việc riêng ở nước ngoài (không sử dụng ngân sách nhà nước) đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền trực tiếp quản lý theo quy định.

3. Quá trình thực hiện các nội dung theo uỷ quyền trên, ý kiến kết luận của các đồng chí được uỷ quyền (Phó Bí thư Thường trực Thành uỷ; Phó Bí thư Thành uỷ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố; Phó Bí thư Thành uỷ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố; Phó Bí thư Thành uỷ, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố) khi gửi đến các cấp uỷ, cơ quan, đơn vị để thực hiện thì đồng thời gửi đồng chí Bí thư Thành uỷ để báo cáo; nếu có vướng mắc, phức tạp hoặc khi xét thấy cần thiết thì tập thể, cá nhân được uỷ quyền xin ý kiến Thường trực Thành uỷ, Ban Thường vụ Thành uỷ trước khi quyết định. Các ý kiến chỉ đạo, kết luận của các đồng chí Phó Bí thư Thành uỷ được thể chế hóa thành văn bản của Văn phòng Thành uỷ ký thừa lệnh theo Quy chế làm việc.

Điều 10. Trách nhiệm và quyền hạn của các cấp uỷ cấp xã

1. Ban chấp hành đảng bộ

1.1. Lãnh đạo trực tiếp, toàn diện công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, thực hiện chính sách cán bộ trong đảng bộ, bảo đảm đúng nguyên tắc, nội dung, quy trình, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của Trung ương và quy định của Ban Thường vụ Thành uỷ về phân cấp quản lý cán bộ.

1.2. Chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Thành uỷ, Thường trực Thành uỷ về việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quyết định của Trung ương, Thành uỷ về cán bộ và công tác cán bộ tại địa phương.

1.3. Trình Ban Thường vụ Thành uỷ nhân sự tại chỗ giới thiệu ứng cử các chức danh bí thư, phó bí thư đảng uỷ, chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp mình; xem xét, giới thiệu nhân sự đề nghị bổ sung uỷ viên ban chấp hành, uỷ viên ban thường vụ cấp uỷ cấp xã.

1.4. Căn cứ quy định, hướng dẫn của Trung ương và Ban Thường vụ Thành uỷ, thảo luận, quyết định số lượng uỷ viên ban thường vụ, uỷ viên ủy ban kiểm tra; điều chỉnh cơ cấu cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ ngoài cơ cấu cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ được xác định theo quy định của Trung ương và Ban Thường vụ Thành uỷ. Bầu uỷ viên ban thường vụ, bí thư, phó bí thư đảng uỷ; bầu uỷ viên ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp uỷ cấp xã.

1.5. Xem xét, giới thiệu và đề nghị chỉ định uỷ viên ban chấp hành đảng bộ, uỷ viên ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp xã.

1.6. Giới thiệu nhân sự ứng cử chức danh chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để Hội đồng nhân dân cấp xã bầu; tham gia ý kiến về nhân sự phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trước khi ban thường vụ cấp ủy cấp xã quyết định giới thiệu để Hội đồng nhân dân cấp xã bầu.

1.7. Ủy quyền cho ban thường vụ cấp ủy cấp xã quyết định kiểm tra, giám sát công tác cán bộ tại địa phương.

1.8. Thực hiện tự phê bình và phê bình, chất vấn và tổ chức lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý theo quy định.

2. Ban thường vụ cấp ủy cấp xã

2.1. Quyết định phân công công tác đối với các đồng chí ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ đảng ủy cấp xã.

2.2. Quyết định phân cấp quản lý cán bộ đối với cấp ủy, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, phòng, ban, đơn vị trực thuộc.

2.3. Lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý biên chế, cán bộ của các cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thuộc hệ thống chính trị cấp xã theo quy định, hướng dẫn của Trung ương, Thành ủy và quy định của cấp ủy địa phương.

2.4. Trên cơ sở đề nghị của đồng chí bí thư và thường trực cấp ủy, thảo luận và quyết định:

a) Lãnh đạo trực tiếp, toàn diện công tác cán bộ và thống nhất quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

b) Quyết định nhận xét, đánh giá, quy hoạch, bố trí, phân công công tác; đào tạo, bồi dưỡng, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định; điều động, luân chuyển, biệt phái, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, cách chức, cho thôi giữ chức, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách đối với các chức danh:

- Ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ đảng ủy, phó chủ tịch hội đồng nhân dân, phó chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã.

- Cấp trưởng, cấp phó của các phòng, ban, cơ quan tham mưu, giúp việc; đơn vị sự nghiệp trực thuộc đảng ủy, Ủy ban nhân dân cấp xã; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội và các chức danh tương đương trong hệ thống chính trị tại địa phương.

- Bí thư, phó bí thư đảng ủy, chi bộ; ủy viên ban thường vụ đảng ủy trực thuộc theo phân cấp quản lý cán bộ.

c) Trình Ban Thường vụ Thành ủy phê duyệt quy hoạch các chức danh: Bí thư, phó bí thư, chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

2.5. Chỉ đạo thực hiện công tác bảo vệ chính trị nội bộ; quyết định, thẩm tra, xác minh, kết luận và bố trí cán bộ, đảng viên thuộc diện quản lý có vấn đề chính

trị cần xem xét và một số vấn đề khác (tuổi, bằng cấp, học hàm, học vị, tài sản, thu nhập...) theo quy định.

2.6. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo vệ chính trị nội bộ theo quy định của Trung ương. Kết luận về tiêu chuẩn chính trị đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý diện Ban Thường vụ Thành uỷ quản lý công tác tại địa phương không có vấn đề về tiêu chuẩn chính trị (không bao gồm nhân sự được giới thiệu tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố, Ban Thường vụ Thành uỷ, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng đoàn, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố) và cán bộ được phân cấp quản lý.

2.7. Chuẩn bị nhân sự đề cấp ủy cấp xã xem xét, đề nghị Ban Thường vụ Thành uỷ giới thiệu ứng cử các chức danh: Bí thư, phó bí thư cấp ủy cấp xã; chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Báo cáo, xin ý kiến Thường trực Thành uỷ về dự kiến nhân sự kiện toàn ủy viên ban thường vụ đảng ủy, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trước khi thực hiện quy trình nhân sự.

2.8. Cho ý kiến phê duyệt phương án nhân sự và chỉ đạo việc tổ chức đại hội các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc.

2.9. Quyết định kiểm tra, giám sát công tác cán bộ của các cấp ủy trực thuộc cấp ủy cấp xã.

2.10. Chuẩn y kết quả bầu cử cấp ủy, ủy ban kiểm tra và các chức danh lãnh đạo của cấp ủy trực thuộc. Chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành; chỉ định hoặc chuẩn y kết quả bầu ủy viên ban thường vụ, bí thư, phó bí thư đảng ủy, chi bộ trực thuộc.

2.11. Tham gia ý kiến với cấp ủy, lãnh đạo các cơ quan thành phố về quy hoạch, nhận xét đánh giá, bố trí, bổ nhiệm, miễn nhiệm, từ chức, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật cán bộ lãnh đạo của tổ chức theo ngành dọc công tác và sinh hoạt đảng tại cấp ủy cấp xã.

2.12. Lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý theo quy định. Gợi ý kiểm điểm và chỉ đạo việc kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị theo phân cấp quản lý cán bộ.

2.13. Chỉ đạo công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ diện ban thường vụ cấp ủy cấp xã quản lý theo quy định.

2.14. Đề nghị Ban Thường vụ Thành uỷ, Thường trực Thành uỷ về quy hoạch, bố trí, phân công công tác, nhận xét, đánh giá, bổ nhiệm, miễn nhiệm, từ chức, đình chỉ chức vụ, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chính sách đối với cán bộ công tác tại cấp xã thuộc quyền quyết định của Ban Thường vụ Thành uỷ, Thường trực Thành uỷ.

2.15. Quyết định nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp theo lương, nâng bậc lương trước thời hạn thực hiện chính sách tiền lương theo quy định của pháp luật đến ngạch chuyên viên, chuyên viên chính và tương đương đối với cán bộ thuộc quyền trực tiếp quyết định của địa phương (ngoài diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý) theo quy định; đề nghị bổ nhiệm ngạch và xếp lương cho công chức được tuyển dụng.

2.16. Căn cứ vào biên chế đã được phân bổ, ban thường vụ cấp ủy, Ủy ban nhân dân cấp xã được quyền tiếp nhận, điều động đối với cán bộ, công chức các cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã trong phạm vi địa phương trên cơ sở bảo đảm tiêu chuẩn chức danh, chức vụ, yêu cầu vị trí việc làm theo quy định (không phải xin ý kiến của Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Nội vụ, Ban Tổ chức Thành ủy). Trường hợp tiếp nhận vào làm công chức thuộc đối tượng không phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch hoặc tiếp nhận công chức từ nơi khác về công tác tại cơ quan thuộc đảng ủy, cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã phải báo cáo, xin ý kiến (thẩm định) và được Ban Tổ chức Thành ủy đồng ý. Trường hợp tiếp nhận vào làm công chức thuộc đối tượng không phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch hoặc tiếp nhận công chức từ nơi khác về công tác tại cơ quan chính quyền cấp xã phải báo cáo, xin ý kiến (thẩm định) và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đồng ý (hoặc cơ quan được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp, ủy quyền đồng ý).

2.17. Chỉ đạo công tác kê khai, công khai tài sản, thu nhập theo quy định của Đảng và Nhà nước.

Điều 11. Trách nhiệm và quyền hạn của Đảng ủy Các cơ quan đảng thành phố, Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố

1. Lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, chủ trương, chính sách, quy chế, quy định, quyết định của Đảng về cán bộ và công tác cán bộ trong phạm vi phụ trách.

2. Lãnh đạo trực tiếp, toàn diện công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ theo phân cấp quản lý cán bộ, bảo đảm đúng nguyên tắc, nội dung, quy trình, thủ tục, thẩm quyền.

3. Quyết định đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; cho thôi giữ chức vụ; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, miễn nhiệm, cách chức; khen thưởng, kỷ luật; thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp quản lý cán bộ.

4. Chỉ đạo thực hiện công tác bảo vệ chính trị nội bộ; quyết định theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền thẩm tra, xác minh, kết luận tiêu chuẩn chính trị đối với cán bộ, đảng viên theo quy định của Trung ương và theo phân cấp quản lý cán bộ.

5. Chuẩn y ban chấp hành, ủy ban kiểm tra và các chức danh lãnh đạo cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp ủy trực thuộc đảng ủy; chỉ định bổ sung ủy viên ban chấp hành chỉ định hoặc chuẩn y ủy viên ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy viên ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp ủy trực thuộc.

6. Tham gia ý kiến về quy hoạch, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định; điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại đối với cán bộ công tác và sinh hoạt đảng trong đảng bộ.

7. Giới thiệu nhân sự ứng cử các chức danh phó bí thư (chuyên trách), nhân sự bổ sung ủy viên thường vụ, cấp ủy viên, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, ủy viên ủy ban kiểm tra đảng ủy; chuẩn bị nhân sự khóa mới.

7.1. Bầu ủy viên ban thường vụ, phó bí thư, ủy viên ủy ban kiểm tra, chủ nhiệm ủy ban kiểm tra đảng ủy theo quy định Điều lệ Đảng.

7.2. Xét, đề nghị kỷ luật cấp ủy viên, ủy viên ủy ban kiểm tra đảng ủy theo quy định của Điều lệ Đảng.

8. Quyết định phân công công tác đối với các đồng chí ủy viên ban thường vụ, ủy viên ban chấp hành.

9. Quyết định nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp theo lương, nâng bậc lương trước thời hạn; thực hiện chính sách tiền lương theo quy định của pháp luật đến ngạch chuyên viên, chuyên viên chính và tương đương đối với cán bộ thuộc quyền trực tiếp quyết định của ban thường vụ đảng ủy (ngoài diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý) theo quy định; đề nghị bổ nhiệm ngạch và xếp lương cho công chức được tuyển dụng.

10. Lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý theo quy định. Gợi ý kiểm điểm và chỉ đạo việc kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân theo thẩm quyền được phân cấp.

11. Quyết định phân cấp quản lý cán bộ đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý công tác tại đảng bộ cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc (ngoài diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý) thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp quản lý cán bộ.

Điều 12. Trách nhiệm và quyền hạn của Đảng ủy Quân sự, Đảng ủy Công an thành phố

1. Chịu trách nhiệm trước Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy về việc lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, chính sách, quyết định của Trung ương, Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy về cán bộ và công tác cán bộ trong phạm vi phụ trách.

2. Quyết định phân công nhiệm vụ đối với các đồng chí ủy viên ban thường vụ, ủy viên ban chấp hành đảng bộ.

3. Chuẩn y ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm và các uỷ viên uỷ ban kiểm tra các cấp uỷ trực thuộc; chỉ định bổ sung uỷ viên ban chấp hành; chỉ định hoặc chuẩn y uỷ viên ban thường vụ, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra đảng uỷ các cấp uỷ trực thuộc. Khi cần thiết, chỉ định bí thư, phó bí thư đảng bộ, chi bộ trực thuộc. Bầu uỷ viên ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, uỷ viên uỷ ban kiểm tra, chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra đảng uỷ theo quy định Điều lệ Đảng.

4. Chủ trì, phối hợp, trao đổi ý kiến với ban thường vụ cấp uỷ cấp xã về nhân sự chỉ huy trưởng, phó chỉ huy trưởng, chính trị viên, chính trị viên phó, trợ lý, ban chỉ huy quân sự cấp xã; trưởng công an, phó trưởng công an cấp xã; đồn trưởng, phó đồn trưởng, chính trị viên, chính trị viên phó đồn biên phòng trên địa bàn và các chức danh ngành dọc khác theo quy định của cấp có thẩm quyền.

5. Quyết định kiểm tra, giám sát công tác cán bộ đối với các cấp uỷ trực thuộc.

6. Thực hiện các quy định về công tác cán bộ của Quân uỷ Trung ương, Đảng uỷ Công an Trung ương, Đảng uỷ Quân khu 3.

Điều 13. Trách nhiệm và quyền hạn của đảng uỷ: Hội đồng nhân dân thành phố, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố, Tòa án nhân dân thành phố.

1. Quyết định chủ trương, giải pháp về xây dựng, quản lý, sắp xếp tổ chức bộ máy, biên chế và chính sách cán bộ thuộc thẩm quyền. Căn cứ quy định, hướng dẫn của Trung ương, Ban Thường vụ Thành uỷ, cấp uỷ cấp trên, đảng uỷ thảo luận, quyết định số lượng uỷ viên ban thường vụ, uỷ viên uỷ ban kiểm tra; xem xét, giới thiệu và đề nghị chỉ định uỷ viên ban chấp hành đảng bộ, chi uỷ viên, uỷ viên ban thường vụ, bí thư, phó bí thư đảng uỷ, uỷ ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra (nếu có).

2. Lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ và công tác cán bộ theo quy định, hướng dẫn của cấp uỷ cấp trên.

3. Trực tiếp quản lý biên chế của cơ quan, tổ chức trong phạm vi lãnh đạo, quản lý.

4. Lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý theo quy định; việc rà soát, bổ sung quy hoạch, việc kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân theo thẩm quyền được phân cấp. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng, củng cố, nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên; chất lượng sinh hoạt đảng, tự phê bình và phê bình.

5. Quyết định giải pháp về sắp xếp tổ chức bộ máy, biên chế và chính sách cán bộ thuộc thẩm quyền.

6. Xem xét, quyết định phê duyệt quy hoạch, giới thiệu ứng cử và chỉ

định, chuẩn y các chức danh chi uỷ viên, bí thư, phó bí thư đối với các tổ chức đảng trực thuộc.

7. Đề nghị hoặc cho ý kiến việc xét tặng các danh hiệu cao quý của Nhà nước theo quy định. Quyết định khen thưởng tổ chức đảng, đảng viên theo quy định của Điều lệ Đảng và quy định, hướng dẫn của Trung ương.

8. Chỉ đạo đại hội, cho ý kiến vào nội dung văn kiện và phê duyệt phương án nhân sự đại hội các chi bộ trực thuộc.

9. Tham gia ý kiến về quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, giới thiệu ứng cử đối với nhân sự thuộc diện Ban Thường vụ Thành uỷ quản lý theo quy định.

10. Đảng uỷ Hội đồng nhân dân thành phố quyết định số lượng thành viên và nhân sự Uỷ viên các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố theo quy định.

Điều 14. Trách nhiệm và quyền hạn của Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố.

1. Quyết định chủ trương, giải pháp về xây dựng, quản lý, sắp xếp tổ chức bộ máy, biên chế và chính sách cán bộ thuộc thẩm quyền. Căn cứ quy định, hướng dẫn của Trung ương, Ban Thường vụ Thành uỷ, cấp uỷ cấp trên, đảng uỷ thảo luận, quyết định số lượng uỷ viên ban thường vụ, uỷ viên uỷ ban kiểm tra; xem xét, giới thiệu và đề nghị chỉ định uỷ viên ban chấp hành đảng bộ, chi uỷ viên, uỷ viên ban thường vụ, bí thư, phó bí thư đảng uỷ, uỷ ban kiểm tra, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm uỷ ban kiểm tra (nếu có).

2. Lãnh đạo, chỉ đạo đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ và công tác cán bộ theo quy định, hướng dẫn của cấp uỷ cấp trên.

3. Trực tiếp quản lý biên chế của cơ quan, tổ chức trong phạm vi lãnh đạo, quản lý.

4. Lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc lấy phiếu tín nhiệm đối với các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý theo quy định; việc rà soát, bổ sung quy hoạch, việc kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm đối với tập thể, cá nhân theo thẩm quyền được phân cấp. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng, củng cố, nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên; chất lượng sinh hoạt đảng, tự phê bình và phê bình.

5. Quyết định giải pháp về sắp xếp tổ chức bộ máy, biên chế và chính sách cán bộ thuộc thẩm quyền.

6. Xem xét, quyết định phê duyệt quy hoạch, giới thiệu ứng cử và chỉ định, chuẩn y các chức danh chi uỷ viên, bí thư, phó bí thư đối với các tổ chức đảng trực thuộc.

7. Đề nghị hoặc cho ý kiến việc xét tặng các danh hiệu cao quý của Nhà

nước theo quy định. Quyết định khen thưởng tổ chức đảng, đảng viên theo quy định của Điều lệ Đảng và quy định, hướng dẫn của Trung ương.

8. Chỉ đạo đại hội; cho ý kiến vào nội dung văn kiện và phê duyệt phương án nhân sự đại hội các chi bộ trực thuộc.

9. Tham gia ý kiến về quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, giới thiệu ứng cử đối với nhân sự thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý theo đề nghị của các cơ quan liên quan.

10. Phê duyệt phương án, đề án nhân sự đại hội các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở thành phố; cho ý kiến giới thiệu nhân sự ứng cử chức danh cấp phó các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở thành phố.

11. Quyết định phân cấp quản lý cán bộ đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý công tác tại đảng bộ cho các cơ quan, đơn vị (ngoài diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý) theo phân cấp.

Điều 15. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Tổ chức Thành ủy

1. Là cơ quan tham mưu, giúp việc của Thành ủy, trực tiếp và thường xuyên là Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy về công tác tổ chức xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị; công tác tổ chức, biên chế, cán bộ, đảng viên, bảo vệ chính trị nội bộ; hướng dẫn và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy chế, quy định, quyết định của Trung ương, Thành ủy về cán bộ và công tác cán bộ. Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quyết định của Ban Thường vụ Thành ủy.

2. Tổng hợp, theo dõi đội ngũ cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý; phối hợp với các cấp ủy trực thuộc Thành ủy và các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Thành ủy giúp Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy quản lý, nhận xét, đánh giá, quy hoạch, điều động, luân chuyển, biệt phái, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, miễn nhiệm, cách chức, cho từ chức, cho thôi giữ chức, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, khen thưởng các chức danh thuộc quyền quyết định của Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy và cán bộ thuộc diện quy hoạch để đảm nhiệm các chức danh này.

3. Trình Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy các vấn đề về cán bộ và công tác cán bộ theo phân cấp quản lý. Trình Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy về chủ trương kiện toàn cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý, cho ý kiến.

Thẩm định đề nghị của các cấp ủy trực thuộc Thành ủy, lãnh đạo các sở, ban, ngành đoàn thể và tương đương về nhận xét, đánh giá, quy hoạch, điều động, luân chuyển, biệt phái, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, miễn nhiệm, cách chức, cho từ chức, cho thôi giữ chức, tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, khen thưởng, giới thiệu cán bộ ứng cử và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán

bộ; cử cán bộ tham gia liên doanh, đi công tác, học tập, đi việc riêng ở nước ngoài; chuẩn bị các văn bản, quyết định để trình Thường trực Thành ủy ban hành.

Thẩm định, đề xuất với Thường trực Thành ủy cho ý kiến về nhân sự kiện toàn ủy viên ban thường vụ đảng ủy, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (để cấp ủy cấp xã và các cơ quan liên quan thực hiện).

4. Hướng dẫn thực hiện quy hoạch, kế hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo quy định của Trung ương và Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy.

5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Thành ủy và các cơ quan có liên quan thẩm định nhân sự thuộc thẩm quyền quyết định của Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy; tùy theo chức danh cán bộ, gửi văn bản xin ý kiến các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan; tổng hợp để trình Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy xem xét, quyết định.

6. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Thành ủy theo dõi, kiểm tra, tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm một số chức danh theo phân cấp quản lý cán bộ.

7. Thẩm định, trình Thường trực Thành ủy phê duyệt đề án vị trí việc làm, khung năng lực và danh mục vị trí việc làm các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, cấp xã.

8. Hướng dẫn, kiểm tra công tác xây dựng và quản lý hồ sơ cán bộ; trực tiếp quản lý hồ sơ cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định của Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy (cả đương chức và nghỉ hưu). Hướng dẫn thống nhất việc xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu cán bộ, đảng viên; quản lý cơ sở dữ liệu cán bộ trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; cơ sở dữ liệu đảng viên trong Đảng bộ thành phố. Hướng dẫn, kiểm tra, thẩm tra, xác minh về tiêu chuẩn chính trị đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý theo quy định.

9. Phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Thành ủy và các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác cán bộ và quản lý cán bộ định kỳ hoặc đột xuất đối với các địa phương, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị của thành phố.

10. Phối hợp Văn phòng Thành ủy và các cơ quan liên quan triển khai các quyết định của Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy đối với cán bộ thuộc khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố.

11. Tham gia ý kiến với các cơ quan, đơn vị Trung ương về cán bộ lãnh đạo các đơn vị đóng trên địa bàn, sinh hoạt đảng tại địa phương, thuộc thẩm quyền quyết định của ngành dọc Trung ương (trừ diện Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy cho ý kiến).

12. Thực hiện một số nội dung được Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy ủy quyền:

12.1. Triển khai ý kiến chỉ đạo của Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy về công tác cán bộ để các cấp ủy trực thuộc và tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị thực hiện theo quy định.

12.2. Thẩm định, rà soát, tham mưu kết luận tiêu chuẩn chính trị đối với cán bộ thuộc thẩm quyền kết luận tiêu chuẩn chính trị của Ban Thường vụ Thành ủy; Thường trực Thành ủy theo phân cấp quản lý cán bộ.

12.3. Thông báo ý kiến của Thường trực Thành ủy đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy quản lý đi công tác, học tập, đi việc riêng ở nước ngoài. Quyết định cử cán bộ cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố không thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý đi công tác nước ngoài có sử dụng ngân sách thành phố.

12.4. Xây dựng kế hoạch biên chế hằng năm hoặc điều chỉnh biên chế của hệ thống chính trị thành phố trình Ban Thường vụ Thành ủy. Thông báo số lượng biên chế công chức, viên chức trong cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố sau khi có quyết định phân bổ biên chế của cấp có thẩm quyền. Quản lý biên chế các cơ quan đảng; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố.

12.5. Ký quyết định tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển; tiếp nhận vào làm công chức) vào cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố sau khi có ý kiến của Thường trực Thành ủy thông báo kết quả của Hội đồng tuyển dụng, Hội đồng kiểm tra, sát hạch.

12.6. Quyết định tiếp nhận cán bộ, công chức từ cơ quan Trung ương và tỉnh, thành phố khác, lực lượng vũ trang vào công tác trong các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố (không thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý). Quyết định chuyển cán bộ, công chức ra khỏi cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố đối với trường hợp chuyển đi cơ quan Trung ương và tỉnh, thành phố khác (không thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý).

12.7. Quyết định bổ nhiệm ngạch, xếp ngạch, xếp lương, thay đổi vị trí việc làm công chức; bổ nhiệm và xếp lương ngạch kiểm tra viên (không thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý) theo đề nghị của người đứng đầu cơ quan, đơn vị sử dụng công chức cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố bảo đảm quy định.

12.8. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Thành ủy và các cơ quan, đơn vị có liên quan xem xét, thẩm định và xác nhận kết quả quy hoạch; thông báo kết quả đánh giá, xếp loại cán bộ đối với các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý.

12.9. Giải quyết một số chế độ, chính sách cụ thể đối với cán bộ theo sự uỷ quyền của Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy.

12.10. Cho ý kiến về việc cho tạm hoãn tham gia các lớp cử nhân, đào tạo cao cấp lý luận chính trị đối với cán bộ được Ban Thường vụ Thành ủy cử đi học

chính trị; quyết định hoặc cho ý kiến về việc tiếp nhận vào làm công chức thuộc đối tượng không phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch hoặc tiếp nhận công chức từ nơi khác về công tác tại cơ quan thuộc đảng uỷ, cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

13. Thực hiện một số nhiệm vụ khác về tổ chức, cán bộ do Thường trực Thành uỷ giao.

Điều 16. Trách nhiệm và quyền hạn của Ủy ban Kiểm tra Thành uỷ, Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành uỷ, Ban Nội chính Thành uỷ, Văn phòng Thành uỷ, Trường Chính trị Tô Hiệu, Báo và phát thanh, truyền hình Hải Phòng

1. Đề xuất Thành uỷ, Ban Thường vụ Thành uỷ, Thường trực Thành uỷ bố trí, sử dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, tái cử, chỉ định, điều động, luân chuyển, biệt phái; cho thôi giữ chức vụ; tạm đình chỉ, đình chỉ chức vụ, cho từ chức, cách chức, miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật, thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ thuộc thẩm quyền trực tiếp quyết định của Thành uỷ, Ban Thường vụ Thành uỷ trong lĩnh vực công tác liên quan. Kiểm tra, giám sát, kiến nghị Ban Thường vụ Thành uỷ, Thường trực Thành uỷ xem xét những quyết định không đúng, chưa đúng quan điểm, đường lối, chính sách, quy định đối với cán bộ và công tác cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định của các cấp uỷ cấp dưới.

2. Phối hợp với Ban Tổ chức Thành uỷ theo dõi, kiểm tra, giám sát và tham gia thẩm định nhân sự đề cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm đối với các chức danh theo lĩnh vực được phân công phụ trách.

3. Ủy ban Kiểm tra Thành uỷ phối hợp với Ban Tổ chức Thành uỷ thẩm định nhân sự quy hoạch, bổ nhiệm và giới thiệu cán bộ ứng cử đối với các chức danh thuộc thẩm quyền trực tiếp quyết định, cho ý kiến của Ban Thường vụ Thành uỷ, Thường trực Thành uỷ theo chức năng, nhiệm vụ.

4. Trên cơ sở đề nghị của cấp uỷ trực thuộc Thành uỷ, Ủy ban Kiểm tra Thành uỷ thẩm định trình Thường trực Thành uỷ chuẩn y kết quả bầu cử chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, ủy viên ủy ban kiểm tra cấp uỷ trực thuộc Thành uỷ.

5. Ủy ban Kiểm tra Thành uỷ quyết định kỷ luật cán bộ theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ Đảng, quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng. Xử lý, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành uỷ, Thường trực Thành uỷ quản lý; trình Ban Thường vụ Thành uỷ, Thành uỷ về kỷ luật cán bộ theo quy định.

6. Ủy ban Kiểm tra Thành uỷ trình Ban Thường vụ Thành uỷ về dự kiến nhân sự kiện toàn chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra; cho ý kiến về nhân sự kiện toàn, điều động, luân chuyển ủy viên ủy ban kiểm tra của các cấp uỷ trực thuộc Thành uỷ.

7. Ủy ban Kiểm tra Thành ủy trực tiếp chuẩn bị và phối hợp với Ban Tổ chức Thành ủy về nhân sự Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Thành ủy; giới thiệu để Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố bầu theo nhiệm kỳ và bầu bổ sung khi cần. Trực tiếp chỉ đạo việc xây dựng tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ của cơ quan Ủy ban Kiểm tra Thành ủy.

8. Ủy ban Kiểm tra Thành ủy tiếp nhận, quản lý bản kê khai tài sản, thu nhập; xác minh tài sản, thu nhập của cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý theo quy định.

9. Các ban, cơ quan của Thành ủy thực hiện nội dung quản lý cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý. Căn cứ vào biên chế được phân bổ, được quyền tiếp nhận cán bộ là công chức các cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố (trừ ở tỉnh ngoài, lực lượng vũ trang và doanh nghiệp), bảo đảm tiêu chuẩn cán bộ, vị trí việc làm, không vi phạm các tiêu chuẩn chính trị về bảo vệ chính trị nội bộ.

Quyết định nâng bậc lương thường xuyên, phụ cấp theo lương, nâng bậc lương trước thời hạn; thực hiện chính sách tiền lương theo quy định của pháp luật đến ngạch chuyên viên, chuyên viên chính và tương đương đối với cán bộ thuộc quyền trực tiếp quyết định (ngoài diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý) theo quy định; đề nghị bổ nhiệm ngạch và xếp lương cho công chức được tuyển dụng.

Điều 17. Phân cấp quản lý đối với cán bộ đã thôi giữ chức vụ hoặc nghỉ hưu

1. Nội dung quản lý

Cán bộ khi còn đang công tác thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý và cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý khi đã thôi giữ chức vụ hoặc nghỉ hưu (trừ trường hợp đã thôi giữ chức vụ hoặc được điều động, bố trí công tác khác không thuộc diện Ban Bí thư, Ban Thường vụ Thành ủy quản lý) phải được Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy và cấp ủy, cơ quan, đơn vị xem xét cho ý kiến về những vấn đề sau:

1.1. Tham gia ứng cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp; thành viên lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố; người đứng đầu hội và các tổ chức (không bao gồm trưởng ban vận động thành lập hội, tổ chức); làm thành viên, lãnh đạo, quản lý các tổ chức có yếu tố nước ngoài; làm chủ tịch hội đồng thành viên (hội đồng quản trị), giám đốc (tổng giám đốc) doanh nghiệp cổ phần, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI).

1.2. Khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ.

1.3. Đi nước ngoài, tiếp khách quốc tế, trả lời phỏng vấn các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài, nhận huân chương, huy chương, danh hiệu, giải thưởng của nước ngoài, các tổ chức quốc tế tặng.

2. Phân cấp quản lý

2.1. Ban Thường vụ Thành ủy báo cáo, đề nghị Ban Bí thư cho ý kiến đối với chức danh nguyên Bí thư Thành ủy.

2.2. Ban Thường vụ Thành ủy cho ý kiến đối với các chức danh: Nguyên Phó Bí thư Thành ủy, nguyên Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố, nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, nguyên Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố.

2.3. Ban Thường vụ Thành ủy ủy quyền:

a) Thường trực Thành ủy cho kiến đối với các chức danh: Nguyên Ủy viên Thành ủy, nguyên Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, nguyên Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố, nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, nguyên Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố.

b) Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố cho ý kiến đối với các chức danh: Nguyên cấp trưởng, cấp phó các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng (trừ chức danh nguyên Ủy viên Thành ủy).

c) Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố cho ý kiến đối với các chức danh: Nguyên cấp trưởng, cấp phó các ban Hội đồng nhân dân thành phố và Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố (trừ chức danh nguyên Ủy viên Thành ủy).

d) Lãnh đạo các ban, cơ quan Thành ủy; Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố cho ý kiến đối với các chức danh: Nguyên cấp trưởng, cấp phó các ban, cơ quan Thành ủy, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố (trừ chức danh nguyên Ủy viên Thành ủy, nguyên Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy).

đ) Ban thường vụ cấp ủy cấp xã cho ý kiến đối với các chức danh khi còn công tác thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý sinh sống tại địa phương (trừ các chức danh tại tiết a, b, c, d, đ).

e) Ban thường vụ đảng ủy trực thuộc Thành ủy cho ý kiến đối với các chức danh khi còn công tác thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy công tác tại đảng bộ (trừ chức danh nguyên Ủy viên Thành ủy, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy).

Điều 18. Quy trình, thủ tục nghỉ hưu đối với cán bộ diện Thành ủy quản lý

1. Ban hành thông báo nghỉ hưu

Trước 06 tháng tính đến thời điểm nghỉ hưu theo quy định, cấp ủy, cơ quan, đơn vị được phân cấp dưới đây phải ban hành thông báo bằng văn bản về thời điểm nghỉ hưu để cơ quan, đơn vị liên quan và cán bộ, công chức biết và gặp mặt cán bộ nghỉ hưu để sắp xếp, giải quyết công việc liên quan (nếu có):

1.1. Thường trực Thành ủy ban hành thông báo nghỉ hưu đối với các đồng chí: Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành

phố, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố; cấp trưởng các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Thành ủy, Phó Chủ tịch Thường trực và Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố là cấp trưởng các tổ chức chính trị - xã hội thành phố; bí thư cấp ủy cấp xã.

1.2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố ban hành thông báo nghỉ hưu đối với các đồng chí: Trưởng ban, phó trưởng ban chuyên trách, Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố (bao gồm cả Ủy viên Thành ủy).

1.3. Ủy ban nhân dân thành phố ban hành thông báo nghỉ hưu đối với các đồng chí: Cấp trưởng các sở, ban, ngành và tương đương thuộc khối chính quyền (bao gồm cả Ủy viên Thành ủy); chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

1.4. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị ban hành thông báo nghỉ hưu đối với các đồng chí: Cấp phó các sở, ban, ngành và tương đương (bao gồm cả Ủy viên Thành ủy). Ủy ban Kiểm tra Thành ủy ban hành thông báo nghỉ hưu đối với các đồng chí Phó Chủ nhiệm và Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Thành ủy.

1.5. Ban thường vụ cấp ủy cấp xã ban hành thông báo nghỉ hưu đối với các đồng chí phó bí thư đảng ủy (bao gồm cả phó bí thư kiêm chủ tịch Hội đồng nhân dân).

Ban Thường vụ Đảng ủy Các cơ quan đảng thành phố, Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố ban hành thông báo nghỉ hưu đối với Phó Bí thư đảng ủy chuyên trách (bao gồm cả Ủy viên Thành ủy).

2. Ban hành quyết định nghỉ hưu

2.1. Đối với cán bộ nghỉ hưu đúng tuổi: Trước 03 tháng đến thời điểm nghỉ hưu theo quy định, cấp ủy, cơ quan, đơn vị quản lý cán bộ, công chức theo phân cấp quản lý ban hành quyết định về việc nghỉ hưu đối với cán bộ, công chức theo đúng quy định.

2.2. Đối với cán bộ nghỉ hưu trước tuổi: Căn cứ Kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy về việc nghỉ hưu trước tuổi đối với cán bộ, cấp có thẩm quyền ban hành quyết định nghỉ hưu trước tuổi đối với cán bộ.

2.3. Cơ quan ban hành quyết định nghỉ hưu:

- Thường trực Thành ủy ban hành quyết định nghỉ hưu đối với các đồng chí: Ủy viên Thành ủy, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Thành ủy; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố; cấp trưởng, cấp phó các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp thuộc Thành ủy; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, cấp trưởng, cấp phó các tổ chức chính trị - xã hội thành phố; bí thư, phó bí thư thường trực đảng ủy

cấp xã (bao gồm cả phó bí thư kiêm chủ tịch Hội đồng nhân dân), phó bí thư chuyên trách đảng ủy trực thuộc Thành ủy.

- Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố ban hành quyết định nghỉ hưu đối với: Trưởng ban, phó trưởng ban chuyên trách; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố (bao gồm cả Ủy viên Thành ủy là lãnh đạo các ban, cơ quan của Hội đồng nhân dân thành phố).

- Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định nghỉ hưu đối với các chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý còn lại công tác ở khối chính quyền (bao gồm cả Ủy viên Thành ủy là lãnh đạo các cơ quan khối chính quyền); chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Trao quyết định nghỉ hưu

Trước thời điểm nghỉ hưu của cán bộ cấp ủy, cơ quan, đơn vị tổ chức gặp mặt và trao quyết định nghỉ hưu đối với cán bộ.

3.1. Thường trực Thành ủy gặp và trao quyết định nghỉ hưu đối với các đồng chí: Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố.

3.2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố gặp và trao quyết định nghỉ hưu đối với các đồng chí: Trưởng ban, phó trưởng ban chuyên trách; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố.

3.3. Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố gặp và trao quyết định nghỉ hưu đối với các đồng chí: Cấp trưởng các sở, ban, ngành và tương đương thuộc khối chính quyền; Phó Bí thư (chuyên trách) Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố.

3.4. Ban Thường vụ Đảng ủy Các cơ quan đảng thành phố gặp và trao quyết định nghỉ hưu đối với cấp trưởng các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Thành ủy, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Thành ủy, Phó Bí thư (chuyên trách) Đảng ủy Các cơ quan đảng thành phố.

3.5. Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố trao quyết định nghỉ hưu đối với Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, cấp trưởng, cấp phó các tổ chức chính trị - xã hội thành phố, cấp trưởng các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở cấp thành phố.

3.6. Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy phụ trách các đảng bộ gặp và trao quyết định nghỉ hưu đối với các đồng chí: Bí thư cấp ủy cấp xã được giao phụ trách.

3.7. Thủ trưởng các sở, ban, ngành và tương đương gặp và trao quyết định

nghỉ hưu đối với các đồng chí: Cấp phó các sở, ban, ngành và tương đương; Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thành ủy gặp và trao quyết định nghỉ hưu đối với các đồng chí: Phó Chủ nhiệm và Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Thành ủy.

3.8. Ban thường vụ cấp ủy cấp xã gặp và trao quyết định nghỉ hưu đối với các đồng chí: Phó bí thư cấp ủy cấp xã, chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

Chương III

QUY HOẠCH CÁN BỘ

Điều 19. Nguyên tắc quy hoạch

1. Coi trọng chất lượng, bảo đảm cân đối, hài hoà, hợp lý, liên thông các khâu trong công tác cán bộ; giữa quy hoạch với đào tạo, bồi dưỡng; giữa đánh giá với quy hoạch, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm và bố trí, sử dụng cán bộ; giữa cán bộ quy hoạch với cán bộ đương nhiệm; giữa nguồn cán bộ ở thành phố với địa phương, địa bàn và lĩnh vực công tác; giữa nguồn cán bộ tại chỗ với nguồn cán bộ từ nơi khác. Phân đầu quy hoạch theo cơ cấu ba độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ có trình độ khoa học, công nghệ phù hợp với địa bàn, lĩnh vực công tác.

2. Quy hoạch cấp ủy các cấp phải gắn với quy hoạch lãnh đạo, quản lý; lấy quy hoạch các chức danh cấp ủy làm cơ sở để quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý; quy hoạch cấp dưới làm cơ sở cho quy hoạch cấp trên; gắn kết chặt chẽ quy hoạch cán bộ của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong hệ thống chính trị với quy hoạch cán bộ cấp chiến lược.

3. Chỉ quy hoạch chức danh cao hơn, mỗi chức danh lãnh đạo, quản lý quy hoạch không quá ba (03) cán bộ, một cán bộ quy hoạch không quá ba chức danh ở cùng cấp. Không thực hiện quy hoạch đồng thời với việc đề xuất bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

Điều 20. Mục đích, yêu cầu quy hoạch

1. Quy hoạch cán bộ là khâu quan trọng, nhiệm vụ thường xuyên nhằm phát hiện sớm nguồn cán bộ có phẩm chất, năng lực, uy tín, có triển vọng phát triển để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bổ nhiệm, tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

2. Việc xác định tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng, chức danh quy hoạch, dự báo nhu cầu sử dụng cán bộ phải xuất phát từ tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị trong từng nhiệm kỳ và định hướng nhiệm kỳ kế tiếp.

3. Rà soát, đánh giá toàn diện nguồn cán bộ trước khi đưa vào danh sách giới thiệu nhân sự quy hoạch; bảo đảm chặt chẽ, dân chủ, khách quan, công bằng, công tâm, công khai, minh bạch, đúng quy trình, thẩm quyền. Không đề xuất, phê duyệt quy hoạch những trường hợp không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện.

4. Thực hiện phương châm quy hoạch “động” và “mở”. Hằng năm đánh giá, rà soát để kịp thời đưa ra khỏi quy hoạch những cán bộ không đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; bổ sung vào quy hoạch những nhân tố mới từ nguồn nhân sự tại chỗ hoặc nguồn nhân sự từ nơi khác đủ tiêu chuẩn, điều kiện, có triển vọng phát triển.

5. Việc quy hoạch đối với cán bộ có vi phạm, khuyết điểm hoặc bị kỷ luật hoặc đang trong quá trình điều tra, thanh tra, kiểm tra, giải quyết tố cáo, khiếu nại, xem xét trách nhiệm:

5.1. Có thể xem xét quy hoạch chức vụ cao hơn đối với cán bộ nếu bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với các trường hợp:

a) Có vi phạm, khuyết điểm phải kiểm điểm, rút kinh nghiệm nhưng chưa đến mức phải xem xét xử lý kỷ luật (do có trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm người đứng đầu hoặc cùng chịu trách nhiệm liên quan và đã hoàn thành kiểm điểm hoặc sẽ yêu cầu cá nhân, cấp uỷ có liên quan tiếp tục khắc phục theo yêu cầu tại các kết luận kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra).

b) Có vi phạm, khuyết điểm phải kiểm điểm, xem xét trách nhiệm, xử lý kỷ luật nhưng cấp có thẩm quyền quyết định không kỷ luật hoặc không ban hành quyết định kỷ luật do hết thời hiệu (nếu thi hành kỷ luật là hình thức khiển trách) do có trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm người đứng đầu hoặc cùng chịu trách nhiệm liên quan và đã hoàn thành kiểm điểm, khắc phục theo yêu cầu tại các kết luận kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra.

c) Bị thi hành kỷ luật bằng hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo đã hết thời hạn kỷ luật.

Các cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị căn cứ tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ, phân tích, đánh giá khách quan, thận trọng, kỹ lưỡng, cân nhắc nhiều mặt đối với từng trường hợp cụ thể về phẩm chất, năng lực, uy tín, kết quả sản phẩm công tác của nhân sự; nguyên nhân, động cơ vi phạm, khuyết điểm (khách quan, chủ quan) và tính chất, mức độ, tác động, ảnh hưởng, kết quả đã khắc phục (nếu có),... xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét trước khi thực hiện quy trình quy hoạch theo quy định.

5.2. Tạm thời chưa xem xét quy hoạch đối với cán bộ: Có thông tin trao đổi của cơ quan chức năng về trách nhiệm cá nhân trong các vụ án, vụ việc, kết luận mà cơ quan chức năng đã, đang điều tra, thanh tra, kiểm tra nhưng chưa có kết luận chính thức hoặc có đề nghị của cơ quan có thẩm quyền về xem xét, xử lý trách nhiệm cá nhân cho đến khi cấp có thẩm quyền có kết luận chính thức; nếu có vi phạm, khuyết điểm thì sẽ tiến hành xem xét, xử lý theo đúng quy định.

5.3. Không quy hoạch đối với cán bộ đang trong thời gian giải quyết tố cáo (đã có quyết định thành lập đoàn giải quyết tố cáo), khiếu nại kỷ luật, bị kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc đang bị xem xét, xử lý kỷ luật; cán bộ đang trong

thời hạn thi hành kỷ luật; cán bộ bị cơ quan có thẩm quyền kết luận có vi phạm về: Quan điểm chính trị, nguyên tắc tổ chức hoạt động của Đảng, chạy chức, chạy quyền trong công tác cán bộ, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân, quy định về trách nhiệm nêu gương, gây ảnh hưởng xấu đến uy tín của tổ chức đảng và gây bức xúc trong dư luận xã hội.

Điều 21. Chức danh, đối tượng, nhiệm kỳ, hiệu lực quy hoạch

1. Chức danh quy hoạch

Các chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị thành phố, bao gồm:

1.1. Các chức danh thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý công tác tại thành phố (Bí thư Thành ủy, Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố).

1.2. Các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý.

1.3. Các chức danh thuộc diện các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý.

2. Đối tượng quy hoạch

Đối tượng quy hoạch cấp ủy, lãnh đạo, quản lý gồm 02 đối tượng, cụ thể:

2.1. Đối tượng 1, đối tượng 2 của các chức danh diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý và các chức danh Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện theo Phụ lục 2, Quy định số 377-QĐ/TW, ngày 08/10/2025 của Bộ Chính trị.

2.2. Đối tượng 1, đối tượng 2 của các chức danh diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý thực hiện theo Phụ lục 2 kèm theo Quy định này.

2.3. Đối tượng 1 và đối tượng 2 của các chức danh khác theo phân cấp quản lý cán bộ, các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị căn cứ Phụ lục 2 kèm theo Quy định này để xác định cụ thể đối tượng của các chức danh quy hoạch theo quy định.

3. Nhiệm kỳ quy hoạch: Quy hoạch cho 01 nhiệm kỳ và định hướng cho nhiệm kỳ kế tiếp.

4. Hiệu lực quy hoạch: Quy hoạch cán bộ có hiệu lực từ ngày cấp có thẩm quyền ký, ban hành quyết định phê duyệt. Quy hoạch hết hiệu lực khi cán bộ được chỉ định, bổ nhiệm, bầu cử vào chức danh quy hoạch hoặc đưa ra khỏi quy hoạch hoặc kết thúc nhiệm kỳ theo quy định của chức danh quy hoạch.

Điều 22. Thẩm quyền phê duyệt quy hoạch

1. Ban Thường vụ Thành ủy phê duyệt quy hoạch các chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý.

2. Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị phê duyệt quy hoạch đối với các chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

Điều 23. Trách nhiệm trong công tác quy hoạch

1. Trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị

1.1. Lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện chủ trương, quy định của Đảng và của Ban Thường vụ Thành ủy về công tác quy hoạch cán bộ tại địa phương, cơ quan, đơn vị; xây dựng tiêu chuẩn, điều kiện, xác định đối tượng cụ thể đối với các chức danh do cấp mình quản lý và tham gia xây dựng tiêu chuẩn, điều kiện các chức danh khác khi được yêu cầu.

1.2. Thực hiện quy trình nhân sự, kết luận về tiêu chuẩn chính trị, nhận xét, đánh giá đối với cán bộ được giới thiệu quy hoạch và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý của địa phương, cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của cấp trên.

1.3. Căn cứ quy hoạch được phê duyệt để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng cán bộ gắn với chức danh quy hoạch theo quy định. Kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong công tác quy hoạch cán bộ theo thẩm quyền.

2. Trách nhiệm của Ban Tổ chức Thành ủy

2.1. Tham mưu chủ trương, quy định về công tác quy hoạch cán bộ; giúp Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy về công tác quy hoạch cán bộ theo quy định.

2.2. Trình Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, phê duyệt quy hoạch các chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ. Thông báo kết quả quy hoạch cán bộ của các cấp ủy, cơ quan, đơn vị được Ban Thường vụ Thành ủy phê duyệt.

2.3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định đối với nhân sự quy hoạch các chức danh cấp ủy, lãnh đạo, quản lý diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý.

2.4. Tham mưu Ban Thường vụ Thành ủy sơ kết, tổng kết, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác quy hoạch cán bộ ở các địa phương, cơ quan, đơn vị.

2.5. Chủ trì, phối hợp với các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trao đổi, cung cấp thông tin, giới thiệu nhân sự từ nơi khác (theo ủy nhiệm của Thường trực Thành ủy) để các địa phương, cơ quan, đơn vị nghiên cứu, xem xét, bổ sung quy hoạch theo thẩm quyền.

2.6. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Thành ủy xem xét, thẩm định và xác nhận quy hoạch theo quy định.

3. Trách nhiệm của các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Thành ủy và cơ quan liên quan

3.1. Phối hợp với Ban Tổ chức Thành ủy thẩm định, thẩm tra, cung cấp hồ sơ, tài liệu, thông tin liên quan đến nhân sự quy hoạch theo yêu cầu.

3.2. Thực hiện nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy.

Điều 24. Phương pháp quy hoạch

1. Xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ kế tiếp được thực hiện một lần vào năm thứ hai nhiệm kỳ hiện tại của đại hội đảng bộ các cấp, đại hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

2. Hằng năm tiến hành rà soát, bổ sung quy hoạch từ 1 đến 2 lần cho cả quy hoạch nhiệm kỳ hiện tại và nhiệm kỳ kế tiếp.

Điều 25. Tiêu chuẩn, điều kiện, độ tuổi quy hoạch

1. Về tiêu chuẩn, điều kiện

Tiêu chuẩn đối với cán bộ quy hoạch, cơ bản thực hiện như tiêu chuẩn bổ nhiệm đối với chức danh theo quy định hiện hành. Tại thời điểm quy hoạch, cấp có thẩm quyền có thể xem xét, phê duyệt quy hoạch đối với những cán bộ cơ bản đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh bổ nhiệm theo quy định.

- Về trình độ chuyên môn: Phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tương ứng với tiêu chuẩn chức danh bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử theo quy định.

- Về trình độ chính trị: Cán bộ quy hoạch các chức danh diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý và quy hoạch các chức danh diện cấp ủy, cơ quan, đơn vị quản lý: Đối tượng 1 phải đáp ứng tiêu chuẩn lý luận chính trị tương ứng của chức danh bổ nhiệm; đối tượng 2 có thể chưa bảo đảm tiêu chuẩn lý luận chính trị nhưng sau khi được quy hoạch, trong thời hạn 24 tháng phải được cử đi đào tạo để hoàn thiện tiêu chuẩn lý luận chính trị. Nếu quá thời hạn 24 tháng, kể từ ngày quyết định phê duyệt quy hoạch của cấp có thẩm quyền ban hành, nhưng chưa được cử đi học, thì xem xét đưa ra khỏi quy hoạch.

Ngoài tiêu chuẩn, điều kiện về trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, tại thời điểm xem xét, phê duyệt quy hoạch, cán bộ được bổ sung quy hoạch chưa nhất thiết phải đáp ứng ngay các tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh quy hoạch. Các trường hợp đặc biệt khác, do Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, quyết định.

2. Về độ tuổi quy hoạch

Cán bộ được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất phải trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng). Khi rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, cán bộ đưa vào quy hoạch phải còn đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

3. Thời điểm tính tuổi quy hoạch

3.1. Đối với quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp: Chức danh cấp uỷ, lãnh đạo cấp uỷ, các ban, cơ quan của Đảng, uỷ ban kiểm tra là thời điểm tiến hành đại hội đảng bộ các cấp; chức danh lãnh đạo, quản lý các cơ quan nhà nước là thời điểm bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp; chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội là thời điểm đại hội các cấp của mỗi tổ chức.

3.2. Đối với rà soát, bổ sung quy hoạch: Là thời điểm cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ có thẩm quyền (Ban Tổ chức Thành uỷ đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Thành uỷ quản lý; cơ quan tham mưu về công tác tổ chức cán bộ của cấp uỷ, cơ quan, đơn vị đối với trường hợp khác) nhận được tờ trình và hồ sơ nhân sự theo quy định.

Điều 26. Hệ số, số lượng và cơ cấu quy hoạch

1. Về hệ số, số lượng

1.1. Hệ số quy hoạch cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ và uỷ ban kiểm tra các cấp từ 1,0 - 1,5 lần so với số lượng theo quy định.

1.2. Số lượng của chức danh quy hoạch lãnh đạo, quản lý: Mỗi chức danh quy hoạch không quá ba cán bộ và một cán bộ quy hoạch không quá ba (03) chức danh ở cùng cấp.

2. Về cơ cấu: Phân đầu cơ cấu, tỉ lệ quy hoạch cấp uỷ và các chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp theo hướng: Cán bộ trẻ (dưới 42 tuổi) từ 15% trở lên, cán bộ nữ từ 25% trở lên; cán bộ có trình độ khoa học, công nghệ khoảng 5 - 10%; cấp xã và tương đương trở lên phải có cán bộ nữ trong quy hoạch các chức danh cấp uỷ, ban thường vụ cấp uỷ, lãnh đạo, quản lý.

Điều 27. Quy trình và hồ sơ nhân sự quy hoạch

1. Quy trình quy hoạch

Gồm 02 quy trình: (1) Quy hoạch cán bộ đầu nhiệm kỳ và rà soát, bổ sung quy hoạch từ nguồn nhân sự tại chỗ. (2) Rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ đối với nguồn nhân sự từ nơi khác.

1.1. Đối với quy trình nhân sự quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý: Thực hiện theo Quy định số 377-QĐ/TW, ngày 08/10/2025 của Bộ Chính trị.

1.2. Đối với các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Thành uỷ quản lý: Thực hiện theo Phụ lục 3 kèm theo Quy định này.

2. Hồ sơ nhân sự quy hoạch: Thực hiện theo Phụ lục 6 kèm theo Quy định này.

Điều 28. Công khai và quản lý quy hoạch

1. Công khai quy hoạch

Danh sách cán bộ được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch hoặc đưa ra khỏi quy hoạch được thông báo công khai trong cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo và người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương, cá nhân có liên quan biết, quản lý, sử dụng quy hoạch.

2. Quản lý quy hoạch

Căn cứ kết quả phê duyệt quy hoạch cán bộ, các cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị có trách nhiệm:

2.1. Chậm nhất sau 30 ngày làm việc kể từ khi phê duyệt quy hoạch, các cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị báo cáo cấp trên trực tiếp kết quả phê duyệt quy hoạch; báo cáo Ban Thường vụ Thành uỷ (qua Ban Tổ chức Thành uỷ, kèm theo các quyết định phê duyệt quy hoạch) đối với các chức danh ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ đảng uỷ, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã để quản lý theo quy định.

2.2. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện có hiệu quả việc đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện, thử thách, luân chuyển, điều động, bổ nhiệm cán bộ quy hoạch đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị.

2.3. Định kỳ hằng năm đánh giá phẩm chất, năng lực, kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao và chiều hướng phát triển đối với cán bộ trong quy hoạch.

Điều 29. Các trường hợp đương nhiên ra khỏi quy hoạch

Cán bộ đã được bổ nhiệm, bầu cử vào chức danh quy hoạch; quá tuổi bổ nhiệm; bị cấp có thẩm quyền thi hành kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên (đối với cá nhân) hoặc kết luận không bảo đảm tiêu chuẩn chính trị của chức danh quy hoạch hoặc được cấp có thẩm quyền cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm chức vụ; đã từ trần hoặc nghỉ công tác thì đương nhiên ra khỏi quy hoạch (cơ quan tham mưu tổ chức cán bộ tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền ra quyết định đưa ra khỏi quy hoạch mà không phải lấy phiếu biểu quyết).

Điều 30. Điều khoản chuyển tiếp trong quy hoạch

Đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc diện hợp nhất, sáp nhập theo quyết định của cấp có thẩm quyền: (i) Số lượng quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý tại thời điểm hợp nhất, sáp nhập có thể nhiều hơn theo quy định, nhưng không vượt quá số lượng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm hợp nhất, sáp nhập; chậm nhất sau 05 năm (tính từ thời điểm quyết định hợp nhất, sáp nhập có hiệu lực) số lượng quy hoạch sẽ thực hiện theo quy định của cấp có thẩm quyền. (ii) Các chức danh lãnh đạo, quản lý được phê duyệt quy hoạch trước

khi hợp nhất, sáp nhập, nếu còn hiệu lực và thời hạn quy hoạch theo quy định thì vẫn được xem xét để bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử chức danh quy hoạch hoặc chức danh tương đương theo quy định.

Chương IV

BỔ NHIỆM VÀ GIỚI THIỆU CÁN BỘ ỨNG CỬ

Điều 31. Nguyên tắc bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử

1. Cấp uỷ, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xem xét, quyết định bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử theo thẩm quyền; bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, nguyên tắc tập trung dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch, phát huy đầy đủ quyền hạn, trách nhiệm của từng thành viên và người đứng đầu.

2. Căn cứ điều kiện, tiêu chuẩn, phẩm chất, đạo đức, năng lực, sở trường và uy tín của cán bộ; đồng thời, xuất phát từ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị. Không xem xét bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử khi chưa có kết luận về chính trị.

3. Bảo đảm sự ổn định, kế thừa và phát triển liên tục của đội ngũ cán bộ; nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của cơ quan, đơn vị.

4. Kể từ khi khuyết người đứng đầu hoặc người đứng đầu có thông báo nghỉ hưu, nghỉ chờ hưu, có chủ trương chuyển công tác của cấp có thẩm quyền, cấp uỷ, địa phương, cơ quan, đơn vị phải báo cáo bằng văn bản và phải được cấp trên trực tiếp đồng ý trước khi thực hiện quy trình công tác cán bộ theo thẩm quyền được phân cấp.

Điều 32. Về bổ nhiệm, bổ trí, sử dụng đối với cán bộ có vi phạm, khuyết điểm hoặc bị kỷ luật hoặc đang trong quá trình điều tra, thanh tra, kiểm tra, giải quyết tố cáo, khiếu nại, xem xét trách nhiệm

1. Có thể xem xét, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử giữ chức vụ cao hơn đối với cán bộ nếu bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với các trường hợp:

1.1. Có vi phạm, khuyết điểm phải kiểm điểm, rút kinh nghiệm nhưng chưa đến mức phải xem xét, xử lý kỷ luật (do có trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm người đứng đầu hoặc cùng chịu trách nhiệm liên quan và đã hoàn thành kiểm điểm hoặc sẽ yêu cầu cá nhân, cấp uỷ có liên quan tiếp tục khắc phục theo yêu cầu tại các kết luận kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra).

1.2. Có vi phạm, khuyết điểm phải kiểm điểm, xem xét trách nhiệm, xử lý kỷ luật nhưng cấp có thẩm quyền quyết định không kỷ luật hoặc không ban hành quyết định kỷ luật do hết thời hiệu (nếu thi hành kỷ luật là hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo) do có trách nhiệm trực tiếp hoặc trách nhiệm người đứng đầu hoặc cùng chịu trách nhiệm liên quan và đã hoàn thành kiểm điểm, khắc phục theo yêu cầu tại các kết luận kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra.

1.3. Cán bộ bị thi hành kỷ luật bằng hình thức: Khiển trách (sau 24 tháng); cảnh cáo không thuộc trường hợp bị miễn nhiệm, cho thôi giữ chức vụ (sau 36 tháng); cách chức (sau 60 tháng), tính từ thời điểm quyết định kỷ luật của cấp uỷ, tổ chức đảng và cơ quan có thẩm quyền có hiệu lực; nếu nhân sự đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện và được cơ quan có thẩm quyền đánh giá đã hoàn thành việc kiểm điểm, khắc phục các vi phạm, khuyết điểm (nếu có) theo yêu cầu tại kết luận kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, điều tra của các cơ quan chức năng; đồng thời, được các cấp uỷ trực tiếp quản lý cán bộ đánh giá là có phẩm chất, năng lực và có khả năng đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao thì cấp có thẩm quyền có thể xem xét, bổ nhiệm giữ chức vụ cao hơn và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

2. Không xem xét, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử giữ chức vụ cao hơn nhưng được xem xét bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử đối với trường hợp cán bộ bị thi hành kỷ luật bằng hình thức khiển trách hoặc cảnh cáo nay đã hết thời hạn kỷ luật nhưng chưa đủ thời gian theo quy định tại Khoản 1 Điều này, nếu cán bộ bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

3. Không bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử giữ chức vụ cao hơn nhưng có thể xem xét, cân nhắc kỷ lưỡng từng trường hợp để bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử đối với: Cán bộ hiện đang trong thời gian thi hành kỷ luật bằng hình thức khiển trách (trừ các trường hợp vi phạm về quan điểm chính trị; vi phạm nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Đảng; chạy chức, chạy quyền trong công tác cán bộ; lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân; vi phạm quy định về trách nhiệm nêu gương, gây ảnh hưởng xấu đến uy tín của tổ chức đảng và gây bức xúc trong dư luận xã hội).

Các cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị căn cứ tình hình đội ngũ cán bộ, yêu cầu nhiệm vụ, phân tích, đánh giá khách quan, thận trọng, kỷ lưỡng, cân nhắc nhiều mặt đối với từng trường hợp cụ thể về phẩm chất, năng lực, uy tín, kết quả sản phẩm công tác của nhân sự; nguyên nhân, động cơ vi phạm, khuyết điểm (khách quan, chủ quan) và tính chất, mức độ, tác động, ảnh hưởng, kết quả đã khắc phục (nếu có),... xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét trước khi thực hiện quy trình bổ nhiệm lại hoặc giới thiệu tái cử theo quy định.

4. Tạm thời chưa xem xét, bổ nhiệm lại hoặc giới thiệu tái cử đối với cán bộ: Có thông tin trao đổi của cơ quan chức năng về trách nhiệm cá nhân trong các vụ án, vụ việc, kết luận mà cơ quan chức năng đã, đang điều tra, thanh tra, kiểm tra nhưng chưa có kết luận chính thức hoặc có đề nghị của cơ quan có thẩm quyền về xem xét, xử lý trách nhiệm cá nhân cho đến khi cấp có thẩm quyền có kết luận chính thức; nếu có vi phạm, khuyết điểm thì sẽ tiến hành xem xét, xử lý theo đúng quy định.

5. Không bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, điều động, luân chuyển, phong, thăng quân hàm đối với cán bộ đang trong thời gian giải quyết tố cáo (đã có quyết định thành lập đoàn giải quyết tố cáo), khiếu nại kỷ luật, kiểm tra khi có dấu hiệu vi

phạm, bị xem xét, xử lý kỷ luật, bị kiến nghị xử lý vi phạm theo kết luận thanh tra, kiểm toán, bị điều tra.

Điều 33. Trách nhiệm và thẩm quyền bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử

1. Tập thể lãnh đạo và người đứng đầu cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị đề xuất nhân sự và đánh giá, nhận xét nhân sự được đề xuất.

2. Tập thể lãnh đạo cấp uỷ, cơ quan, đơn vị thảo luận, đánh giá, nhận xét cán bộ, quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo phân cấp quản lý cán bộ. Trường hợp cấp uỷ, cơ quan, đơn vị bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ diện Ban Thường vụ Thành uỷ quản lý giữ chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc cấp mình quản lý thì không phải xin chủ trương của Thường trực Thành uỷ, Ban Thường vụ Thành uỷ.

3. Người đứng đầu, tập thể đề xuất; cơ quan thẩm định; tập thể quyết định cán bộ theo thẩm quyền phải chịu trách nhiệm về đề nghị, thẩm định, quyết định của mình. Cụ thể:

3.1. Người đứng đầu, tập thể đề xuất: Chịu trách nhiệm chính trước cấp có thẩm quyền về đánh giá, nhận xét, kết luận tiêu chuẩn chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống; năng lực công tác, ưu, khuyết điểm; kê khai tài sản, thu nhập... và ý kiến đề xuất của mình.

3.2. Cơ quan thẩm định: Chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định, thẩm tra, rà soát thông tin, tham gia ý kiến đối với nhân sự được đề xuất theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

3.3. Tập thể quyết định cán bộ: Chịu trách nhiệm về quyết định của mình trong bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử. Việc quyết định về công tác cán bộ của cấp có thẩm quyền thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu kín.

Người đứng đầu cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo có trách nhiệm chỉ đạo chuẩn bị hồ sơ nhân sự; triệu tập đúng thành phần khi bàn về công tác cán bộ; bố trí đủ thời gian; đảm bảo dân chủ trong thảo luận, ghi phiếu biểu quyết, phiếu giới thiệu, phiếu tín nhiệm theo đúng quy định.

Điều 34. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử chức vụ cao hơn

1. Bảo đảm tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn cụ thể của chức danh bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử theo quy định.

2. Cán bộ được giới thiệu từ nguồn nhân sự tại chỗ phải được quy hoạch vào chức danh bổ nhiệm hoặc được quy hoạch chức danh tương đương trở lên. Đối với nhân sự từ nguồn ở bên ngoài phải được quy hoạch chức danh tương đương trở lên. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3. Cán bộ được bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử giữ chức vụ cao hơn phải có thời gian giữ chức vụ đang đảm nhiệm hoặc chức vụ tương đương ít nhất là 01 năm (12 tháng); trường hợp đặc biệt, chưa bảo đảm thời gian giữ chức vụ hoặc giữ chức vụ tương đương thì cấp có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

4. Có hồ sơ, lý lịch cá nhân, bản kê khai tài sản, thu nhập đầy đủ, rõ ràng và được cơ quan chức năng có thẩm quyền thẩm định, xác minh; được cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ nhận xét, đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 03 năm gần nhất.

5. Độ tuổi bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử chức vụ cao hơn: Cán bộ các cơ quan trong hệ thống chính trị được đề nghị bổ nhiệm vào vị trí lãnh đạo, quản lý (cao hơn) lần đầu phải đủ tuổi để công tác trọn 01 nhiệm kỳ. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Tuổi của cán bộ tính theo giấy khai sinh (bản chính hoặc bản sao có chứng thực); nếu không có giấy khai sinh thì tính theo lý lịch đảng viên gốc có xác nhận của cấp ủy có thẩm quyền.

6. Có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao (theo kết luận của cơ quan y tế có thẩm quyền).

Điều 35. Thời hạn giữ chức vụ

1. Thời hạn bổ nhiệm giữ chức vụ là 05 năm (60 tháng) đối với các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị và doanh nghiệp nhà nước.

2. Thời hạn bổ nhiệm giữ chức vụ dưới 05 năm áp dụng đối với một số chức vụ đặc thù theo quy định riêng.

3. Thời hạn giữ chức vụ bầu cử theo nhiệm kỳ của tổ chức đó.

Điều 36. Thủ tục bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý

1. Đối với việc kiện toàn các chức danh: Ủy viên Thành ủy, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra (chuyên trách), Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thành ủy và cán bộ chủ chốt cấp thành phố.

Căn cứ vào số lượng chức danh cần kiện toàn, bổ sung và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của thành phố, thực hiện các công việc sau:

1.1. Đối với việc kiện toàn Ủy viên Thành ủy, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra (chuyên trách), Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thành ủy còn thiếu so với quy định thì Ban Thường vụ Thành ủy chủ động thực hiện quy trình giới thiệu nhân sự và báo cáo Ban Bí thư, Ủy ban Kiểm tra Trung ương xem xét, quyết định.

1.2. Đối với việc kiện toàn các chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hải Phòng:

Căn cứ vào số lượng chức danh cần kiện toàn, bổ sung và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của thành phố, Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện các công việc sau:

a) Ban hành văn bản trình cấp có thẩm quyền xem xét, cho chủ trương về số lượng chức danh cần kiện toàn, bổ sung, trong đó dự kiến phân công lĩnh vực, nhiệm vụ cụ thể đối với cán bộ đề nghị giới thiệu ứng cử (nếu có).

b) Sau khi có chủ trương đồng ý của cấp có thẩm quyền, chậm nhất 30 ngày làm việc, Thành ủy thực hiện quy trình nhân sự theo quy định. Trường hợp sau thời gian quy định, chưa hoàn thành việc thực hiện quy trình nhân sự thì Ban Thường vụ Thành ủy có trách nhiệm giải trình rõ lý do, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, cho ý kiến.

2. Đối với việc kiện toàn cán bộ của cấp ủy, cơ quan, đơn vị

Căn cứ nhu cầu công tác, lãnh đạo các ban, sở, ngành, cơ quan, đơn vị trực thuộc thành phố, Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội thành phố; ban thường vụ đảng ủy cấp xã, các đảng bộ trực thuộc Thành ủy (sau đây gọi chung là tập thể lãnh đạo) thực hiện theo các bước sau:

2.1. Trình Thường trực Thành ủy (bằng văn bản) về chủ trương, số lượng, nguồn nhân sự; dự kiến phân công công tác đối với cán bộ đề nghị bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử.

Chậm nhất 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị, Thường trực Thành ủy, xem xét, cho ý kiến và ủy nhiệm cho Ban Tổ chức Thành ủy thông báo chủ trương về công tác cán bộ.

2.2. Sau khi có chủ trương của Thường trực Thành ủy, các cấp ủy, cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện quy trình nhân sự (theo các bước tại Điều 37) trong thời gian không quá 15 ngày làm việc. Trường hợp sau thời gian quy định, chưa hoàn thành việc thực hiện quy trình nhân sự thì các cấp ủy, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm giải trình rõ lý do, báo cáo Thường trực Thành ủy xem xét, cho ý kiến.

2.3. Đề xuất nhân sự cụ thể.

2.4. Thẩm định nhân sự

a) Các cấp ủy, cơ quan, đơn vị làm tờ trình, hồ sơ đề nghị bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử gửi Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy (qua Ban Tổ chức Thành ủy) để thẩm định nhân sự.

b) Không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ tờ trình, hồ sơ nhân sự theo đúng quy định (Phụ lục 6), Ban Tổ chức Thành ủy gửi văn bản (kèm theo bản

sao hồ sơ nhân sự) xin ý kiến thẩm định các cơ quan, đơn vị và cá nhân liên quan về nhân sự cụ thể:

- Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố: Đối với các chức danh cán bộ diện Thành ủy quản lý là đảng viên của Đảng bộ; chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Ban Thường vụ Đảng ủy Các cơ quan đảng thành phố: Đối với các chức danh cán bộ diện Thành ủy quản lý là đảng viên của Đảng bộ.

- Đảng ủy Hội đồng nhân dân thành phố: Đối với chức danh chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã; lãnh đạo các cơ quan thuộc Hội đồng nhân dân thành phố.

- Ủy ban Kiểm tra Thành ủy: Đối với tất cả nhân sự là đảng viên thuộc Đảng bộ thành phố về kiểm tra dấu hiệu vi phạm, tình hình đơn thư, khiếu nại, tố cáo phải giải quyết, kỷ luật (nếu có) và việc kê khai tài sản, thu nhập và trách nhiệm của nhân sự liên quan đến các kết luận kiểm tra.

- Ban Nội chính Thành ủy: Đối với tất cả nhân sự là đảng viên thuộc Đảng bộ thành phố về trách nhiệm của nhân sự liên quan đến các vụ án, vụ việc của các cơ quan đã xem xét, kết luận và kết quả giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo, kỷ luật (nếu có); việc chấp hành quy định về phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích “nhóm”.

- Thanh tra thành phố: Đối với tất cả nhân sự là đảng viên thuộc Đảng bộ thành phố có dấu hiệu vi phạm pháp luật, vi phạm quy định của Đảng và Nhà nước phát hiện qua công tác thanh tra, kiểm toán, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực kê khai tài sản, thu nhập và trách nhiệm của nhân sự liên quan đến các kết luận thanh tra, kiểm toán.

- Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy: Đối với các chức danh cán bộ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố; các chức danh cán bộ khối văn hóa - xã hội, cơ quan báo chí.

- Đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy: Đối với chức danh cán bộ thuộc đảng bộ, cơ quan, đơn vị được phân công phụ trách.

- * Việc thẩm định nhân sự đối với trường hợp cán bộ đương chức diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý tham gia thành viên các tổ chức cấp Trung ương; tham gia các tiểu ban, ban chỉ đạo cấp Trung ương và các tổ chức liên địa phương, liên vùng và theo yêu cầu nhiệm vụ: Chỉ xin ý kiến của Ủy ban Kiểm tra Thành ủy (về tình hình đơn thư, khiếu nại, tố cáo và kỷ luật).

- * Đối với các chức danh theo quy định phải xin ý kiến hiệp ý của các cơ quan Trung ương: Thực hiện theo quy định của Đảng, Nhà nước.

d) Chậm nhất 05 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan, cá nhân nhận được văn bản xin ý kiến thẩm định của Ban Tổ chức Thành ủy phải có văn bản trả lời Ban Tổ

chức Thành ủy. Quá thời hạn trên, nếu không có văn bản trả lời thì được xem là đồng ý với đề nghị bổ nhiệm, giới thiệu nhân sự ứng cử. Trường hợp vì lý do khách quan, cần thêm thời gian để xem xét, xác minh, thẩm tra thì phải có văn bản gửi Ban Tổ chức Thành ủy để biết, theo dõi nhưng không quá 10 ngày làm việc.

đ) Không quá 10 ngày làm việc, Ban Tổ chức Thành ủy thẩm định, hoàn chỉnh hồ sơ nhân sự, tổng hợp đầy đủ các ý kiến về nhân sự và làm tờ trình báo cáo Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy; báo cáo rõ về đề nghị bổ nhiệm, ý kiến thẩm định của các cơ quan liên quan và đề xuất của Ban Tổ chức Thành ủy.

2.5. Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy xem xét, quyết định về nhân sự theo chương trình công tác của Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy; thời gian không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình của Ban Tổ chức Thành ủy (trong trường hợp không tổ chức họp Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy thì có thể xin ý kiến bằng văn bản để bảo đảm tiến độ theo quy trình).

2.6. Không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy kết luận về bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, Ban Tổ chức Thành ủy phối hợp với Văn phòng Thành ủy dự thảo quyết định bổ nhiệm để Thường trực Thành ủy ký ban hành hoặc thông báo kết luận của Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy đến các cơ quan liên quan để thực hiện việc bổ nhiệm hoặc giới thiệu ứng cử theo quy định. Trường hợp đặc biệt, phải báo cáo Thường trực Thành ủy xem xét, cho ý kiến chỉ đạo.

Điều 37. Quy trình bổ nhiệm và giới thiệu cán bộ ứng cử

1. Quy trình bổ nhiệm và giới thiệu cán bộ ứng cử các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý đối với nguồn nhân sự tại chỗ

Quy trình nhân sự gồm 4 bước; thành phần hội nghị ở mỗi bước quy định tại Phụ lục 4 của Quy định này.

1.1. Bước 1: Hội nghị tập thể lãnh đạo

- Trên cơ sở chủ trương của cấp có thẩm quyền, yêu cầu nhiệm vụ và nguồn cán bộ (gồm cán bộ trong quy hoạch và quy hoạch chức danh tương đương trở lên), người đứng đầu chủ trì cùng tập thể lãnh đạo thảo luận, rà soát, thống nhất về cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện và quy trình nhân sự; đồng thời, tiến hành rà soát kết quả đánh giá, nhận xét đối với từng cán bộ trong quy hoạch, thông qua danh sách nhân sự đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và ghi phiếu định hướng giới thiệu nhân sự.

- Nguyên tắc giới thiệu và lựa chọn: Mỗi thành viên giới thiệu 1 người cho một chức danh; người nào đạt số phiếu đồng ý cao nhất trên 50% tổng số người được triệu tập thì được lựa chọn. Trường hợp không có người nào đạt trên 50% số phiếu giới thiệu thì chọn tất cả người có số phiếu giới thiệu đạt từ 30% trở lên để

giới thiệu ở bước tiếp theo. Trường hợp không có người đạt số phiếu 30% trở lên thì không tiếp tục thực hiện và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo.

1.2. Bước 2: Hội nghị tập thể lãnh đạo mở rộng

- Trên cơ sở kết quả giới thiệu định hướng nhân sự ở bước 1, hội nghị thảo luận và tiến hành ghi phiếu giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

- Nguyên tắc giới thiệu và lựa chọn: Mỗi thành viên giới thiệu 01 người cho một chức danh trong danh sách nhân sự được giới thiệu ở bước 1; người nào đạt số phiếu đồng ý cao nhất trên 50% tổng số người được triệu tập thì được lựa chọn. Trường hợp không có người nào đạt trên 50% số phiếu giới thiệu thì chọn tất cả người có số phiếu giới thiệu đạt từ 30% trở lên để giới thiệu ở bước tiếp theo. Trường hợp không có người nào đạt số phiếu 30% trở lên thì không thực hiện các bước tiếp theo và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo.

1.3. Bước 3: Hội nghị cán bộ chủ chốt

- Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2, hội nghị tiến hành ghi phiếu giới thiệu nhân sự (kết quả kiểm phiếu không công bố tại hội nghị).

- Nguyên tắc giới thiệu và lựa chọn: Mỗi thành viên giới thiệu 01 người cho một chức danh trong danh sách nhân sự được giới thiệu ở bước 3; người nào đạt số phiếu đồng ý cao nhất trên 50% tổng số người được triệu tập có mặt thì được lựa chọn. Trường hợp không có người nào đạt số phiếu trên 50% thì không thực hiện các bước tiếp theo và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo.

1.4. Bước 4: Hội nghị tập thể lãnh đạo

- Trên cơ sở kết quả lấy phiếu ở các bước; ý kiến đánh giá, nhận xét của ban thường vụ đảng uỷ (đối với những nơi đảng uỷ không lãnh đạo toàn diện); kết quả xác minh, kết luận những vấn đề mới nảy sinh (nếu có) đối với nhân sự; tập thể lãnh đạo thảo luận và ghi phiếu biểu quyết giới thiệu nhân sự (bằng phiếu kín) để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Nguyên tắc lựa chọn: Người đạt số phiếu cao nhất trên 50% số phiếu so với tổng số người được triệu tập thì được lựa chọn giới thiệu, bổ nhiệm. Trường hợp 02 người có số phiếu ngang nhau đạt tỉ lệ 50% thì người đứng đầu xem xét, lựa chọn nhân sự để trình, đồng thời báo cáo đầy đủ các ý kiến khác nhau để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

*** Lưu ý:** (i) Cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị và người đứng đầu chịu trách nhiệm về đánh giá, nhận xét, đề xuất, lựa chọn, giới thiệu nhân sự. (ii) Hội nghị ở các bước chỉ được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số người được triệu tập có mặt và phiếu giới thiệu ở các bước có thể ký tên hoặc không ký tên; kết quả kiểm phiếu công bố tại hội nghị (trừ bước 3). (iii) Trường hợp kiện toàn nhân sự từ 02 người trở lên thì cũng thực hiện theo nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn nhân sự như ở các bước nêu trên.

2. Quy trình điều động, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử từ nguồn cán bộ ở nơi khác

2.1. Trường hợp nhân sự do cấp có thẩm quyền dự kiến điều động, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử từ nguồn nhân sự ở nơi khác thì cơ quan tham mưu tổ chức, cán bộ tiến hành các công việc sau:

- Bước 1: Trao đổi, lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo nơi tiếp nhận cán bộ về chủ trương điều động, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử.

- Bước 2: (1) Trao đổi, lấy ý kiến (bằng văn bản) của tập thể lãnh đạo nơi cán bộ đang công tác về chủ trương điều động, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử; lấy đánh giá, nhận xét của địa phương, cơ quan, đơn vị và hồ sơ nhân sự theo quy định. (2) Gặp cán bộ để trao đổi về yêu cầu nhiệm vụ công tác.

- Bước 3: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định về nhân sự và lập tờ trình báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2.2. Trường hợp nhân sự do cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị đề xuất điều động, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử từ nguồn cán bộ ở nơi khác thì thực hiện quy trình tương tự như quy trình điều động cán bộ nêu tại Khoản 1, Điều 46 của Quy định này.

3. Trường hợp cán bộ được phân công, bổ nhiệm, chỉ định, giới thiệu ứng cử giữ chức vụ thấp hơn hoặc kiêm nhiệm chức vụ thấp hơn chức vụ đang đảm nhiệm, thì tập thể lãnh đạo, cấp uỷ, cơ quan, đơn vị căn cứ tiêu chuẩn, điều kiện xem xét, quyết định theo thẩm quyền phân cấp quản lý cán bộ và không phải thực hiện quy trình giới thiệu nhân sự.

4. Trường hợp chia tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức: Nếu bổ nhiệm nhân sự giữ chức vụ tương đương hoặc thấp hơn chức vụ đảm nhiệm trước khi chia tách, hợp nhất, sáp nhập thì tập thể lãnh đạo có thẩm quyền căn cứ phẩm chất, năng lực, uy tín của cán bộ để thảo luận xem xét, quyết định bổ nhiệm mà không phải thực hiện quy trình nhân sự theo quy định; trường hợp bổ nhiệm giữ chức vụ cao hơn thì phải thực hiện quy trình nhân sự như bổ nhiệm từ nguồn nhân sự ở nơi khác theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 38. Bổ sung các chức danh lãnh đạo đảng, chính quyền cấp xã và cấp uỷ trực thuộc Thành uỷ

Khi cần bổ sung uỷ viên ban chấp hành, uỷ viên ban thường vụ cấp uỷ trực thuộc Thành uỷ (không thuộc diện Ban Thường vụ Thành uỷ quản lý) còn thiếu so với số lượng, cơ cấu mà đại hội quyết định hoặc trong khung số lượng do Trung ương hoặc Ban Thường vụ Thành uỷ quy định, thì các đảng uỷ trực thuộc Thành uỷ chủ động thực hiện quy trình giới thiệu nhân sự và báo cáo Thường trực Thành uỷ xem xét, quyết định mà không phải xin chủ trương.

Riêng đối với việc bổ sung ủy viên ban thường vụ đảng ủy, phó chủ tịch hội đồng nhân dân, phó chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã: Ban thường vụ cấp ủy cấp xã báo cáo (bằng văn bản) xin ý kiến của Thường trực Thành ủy (qua Ban Tổ chức Thành ủy) về dự kiến nhân sự trước khi thực hiện quy trình kiện toàn.

Đối với nhân sự đã được đại hội, hội nghị cấp ủy giới thiệu vào danh sách bầu cử cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy nhưng kết quả đạt không quá 50% số phiếu bầu đồng ý thì việc xem xét, bổ sung vào cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy cần đánh giá, cân nhắc kỹ về uy tín, năng lực, cơ cấu cụ thể và chỉ thực hiện sau đại hội hoặc hội nghị cấp ủy ít nhất 12 tháng.

Điều 39. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền quản lý của cấp ủy cấp xã; đảng ủy trực thuộc Thành ủy; ban, sở, ngành thành phố

Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố; ban thường vụ cấp ủy cấp xã và đảng ủy trực thuộc Thành ủy căn cứ Điều 36, Điều 37 của Quy định này cụ thể hóa quy trình, thủ tục bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử đối với các chức danh cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý và hướng dẫn cấp dưới thực hiện.

Điều 40. Về hiệp y khi bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử các chức danh lãnh đạo, quản lý ở địa phương

1. Các cơ quan, đơn vị được tổ chức theo ngành dọc thực hiện công tác hiệp y nhân sự với cấp ủy, địa phương trước khi bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý của tổ chức đó tại địa phương.

2. Cơ quan, đơn vị không tổ chức theo ngành dọc thì không thực hiện công tác hiệp y nhân sự đối với các chức danh (không quản lý trực tiếp) thuộc thẩm quyền quản lý của cấp ủy địa phương theo quy định, trừ trường hợp khác có quy định riêng của Bộ Chính trị, Ban Thường vụ Thành ủy.

Chương V

BỔ NHIỆM LẠI, GIỚI THIỆU TÁI CỬ

Điều 41. Nguyên tắc, điều kiện bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử

1. Cán bộ khi hết thời hạn bổ nhiệm, hết nhiệm kỳ được cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ đánh giá là hoàn thành nhiệm vụ trong thời hạn giữ chức vụ; đáp ứng tiêu chuẩn chức danh bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử và yêu cầu nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị.

2. Đủ sức khỏe để tiếp tục đảm nhiệm chức vụ.

3. Cán bộ có vi phạm, khuyết điểm hoặc bị kỷ luật trong nhiệm kỳ hoặc trong thời hạn giữ chức vụ; có thông tin về trách nhiệm cá nhân trong các vụ án, vụ việc, kết luận mà cơ quan chức năng đang, sẽ điều tra, thanh tra, kiểm tra nhưng

chưa có kết luận chính thức hoặc có đề nghị xem xét, xử lý trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền thì việc bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử thực hiện theo quy định tại Khoản 5, Điều 32.

4. Chậm nhất 90 ngày làm việc trước ngày hết thời hạn bổ nhiệm, cấp có thẩm quyền phải thông báo để cán bộ chuẩn bị thủ tục bổ nhiệm lại theo quy định.

5. Cán bộ sau khi được bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử vì một trong các lý do: Sức khỏe không bảo đảm; uy tín giảm sút; không hoàn thành nhiệm vụ; vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước,... thì cấp có thẩm quyền quyết định việc thay thế, cho thôi giữ chức, miễn nhiệm, từ chức, cách chức, không chờ hết thời hạn giữ chức vụ, hết nhiệm kỳ công tác.

6. Việc bổ nhiệm lại hoặc giới thiệu tái cử được tiến hành theo quy định của Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước, Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội.

Điều 42. Thẩm quyền quyết định bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử

1. Cấp nào ra quyết định bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử thì cấp đó thực hiện việc bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử, kéo dài thời gian giữ chức vụ.

2. Ban Thường vụ Thành uỷ uỷ quyền cho Thường trực Thành uỷ xem xét, bổ nhiệm lại đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành uỷ quản lý.

Những trường hợp cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành uỷ quản lý xét thấy không đủ tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử phải báo cáo Ban Thường vụ Thành uỷ xem xét, quyết định.

Ban Tổ chức Thành uỷ và các ban liên quan của Thành uỷ tham mưu, kịp thời phát hiện và đề xuất với Ban Thường vụ Thành uỷ các trường hợp cần thay thế, miễn nhiệm và các trường hợp không đủ điều kiện bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử.

3. Việc bổ nhiệm lại đối với những cán bộ tính đến thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định không còn đủ thời gian công tác 05 năm, thực hiện như sau:

a) Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý còn từ 02 năm công tác trở lên, thì phải thực hiện quy trình bổ nhiệm lại theo quy định.

b) Trường hợp còn dưới 02 năm công tác thì người đứng đầu và tập thể lãnh đạo thảo luận, xem xét, nếu cán bộ đủ sức khỏe, uy tín, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ thì thống nhất biểu quyết (bằng phiếu kín), báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định kéo dài thời hạn giữ chức vụ cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định mà không phải thực hiện quy trình bổ nhiệm lại.

4. Cán bộ không được bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử thì cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc bố trí công tác khác theo nguyên tắc không được bố trí chức vụ tương đương, quan trọng hơn hoặc cao hơn.

Điều 43. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử

1. Chậm nhất 90 ngày làm việc trước ngày hết thời hạn bổ nhiệm, Ban Tổ chức Thành uỷ được uỷ quyền gửi văn bản thông báo đến nơi cán bộ diện Ban Thường vụ Thành uỷ công tác; cấp uỷ, cơ quan, đơn vị phải gửi thông báo đến nơi cán bộ công tác để thực hiện quy trình, thủ tục bổ nhiệm lại theo quy định phân cấp quản lý cán bộ.

2. Cán bộ làm báo cáo tự đánh giá, nhận xét việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ trong thời gian giữ chức vụ.

3. Tập thể cán bộ chủ chốt địa phương, cơ quan, đơn vị tham gia ý kiến và bỏ phiếu tín nhiệm (bằng phiếu kín) đối với nhân sự đề nghị bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử (thành phần tham dự tương tự như hội nghị cán bộ chủ chốt trong bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử).

4. Người đứng đầu địa phương, cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng cán bộ đánh giá, nhận xét và đề xuất việc bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử.

5. Tập thể lãnh đạo thảo luận, biểu quyết (bằng phiếu kín).

Nguyên tắc giới thiệu: Cán bộ được trên 50% số phiếu đồng ý so với tổng số người có mặt ở hội nghị tập thể cán bộ chủ chốt và trên 50% số phiếu đồng ý so với tổng số người được triệu tập ở hội nghị tập thể lãnh đạo thì trình cấp có thẩm quyền xem xét, bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử; trường hợp số phiếu đạt tỉ lệ 50% (không quá bán) thì do người đứng đầu xem xét, quyết định; trường hợp dưới 50% đồng ý thì báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

6. Căn cứ kết quả bỏ phiếu giới thiệu tại bước 2 (Khoản 5), tập thể lãnh đạo báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử theo quy định.

Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Thành uỷ quản lý (theo Phụ lục 6 kèm theo Quy định này) báo cáo Thường trực Thành uỷ (qua Ban Tổ chức Thành uỷ) xem xét, quyết định.

Chương VI

ĐIỀU ĐỘNG VÀ BIỆT PHÁI CÁN BỘ

Điều 44. Mục đích, yêu cầu

Việc điều động, biệt phái cán bộ phải căn cứ yêu cầu công tác, phẩm chất, năng lực, sở trường, uy tín và khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cán bộ nhằm phát huy, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ; góp phần khắc phục tình trạng khép kín, cục bộ trong từng địa phương, cơ quan, đơn vị; bảo đảm sự ổn định và phát triển của đội ngũ cán bộ.

Điều 45. Đối tượng, phạm vi và thẩm quyền quyết định

1. Đối tượng: Cán bộ lãnh đạo, quản lý của các địa phương, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị.

2. Phạm vi: Giữa các địa phương, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị.

3. Thẩm quyền quyết định điều động và biệt phái cán bộ thực hiện theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ của Ban Thường vụ Thành uỷ.

Khi cần thiết, Ban Thường vụ Thành uỷ, Thường trực Thành uỷ xem xét, quyết định điều động, biệt phái cán bộ từ nơi khác về đảm nhận chức vụ thuộc diện Ban Thường vụ Thành uỷ quản lý tại các địa phương, cơ quan, đơn vị. Ban Tổ chức Thành uỷ phối hợp với người đứng đầu và tập thể lãnh đạo địa phương, cơ quan, đơn vị (nơi đi và nơi đến) và các cơ quan liên quan trong việc tham mưu điều động, biệt phái đối với các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Thành uỷ quản lý.

Điều 46. Quy trình điều động, biệt phái cán bộ

1. Điều động cán bộ

1.1. Căn cứ quy hoạch cán bộ, yêu cầu công tác, phẩm chất, năng lực, sở trường, uy tín và khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cán bộ, cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị xem xét, quyết định điều động cán bộ thuộc phạm vi quản lý.

1.2. Quy trình điều động

Cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền chỉ đạo cơ quan tham mưu tổ chức, cán bộ tiến hành các bước sau:

- Bước 1: Trao đổi, lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo nơi tiếp nhận cán bộ dự kiến điều động.

- Bước 2: (i) Trao đổi, lấy ý kiến (bằng văn bản) của tập thể lãnh đạo nơi cán bộ đang công tác về chủ trương điều động; lấy đánh giá, nhận xét của địa phương, cơ quan, đơn vị và hồ sơ nhân sự theo quy định. (ii) Gặp cán bộ để trao đổi về yêu cầu nhiệm vụ công tác.

- Bước 3: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định về nhân sự và lập tờ trình báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Biệt phái cán bộ

2.1. Căn cứ yêu cầu công tác, phẩm chất, năng lực, sở trường và khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cán bộ, cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị xem xét việc biệt phái cán bộ thuộc phạm vi quản lý.

2.2. Thời gian biệt phái nhiều nhất là 3 năm; khi hết thời gian biệt phái thì cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị nơi cử cán bộ đi biệt phái đánh giá, nhận xét và xem xét, quyết định việc kết thúc hoặc gia hạn thời gian biệt phái đối với cán bộ.

2.3. Quy trình biệt phái

- Bước 1: Trao đổi, lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo nơi tiếp nhận cán bộ biệt phái.

- Bước 2: Gặp cán bộ để trao đổi về chủ trương biệt phái và yêu cầu nhiệm vụ cụ thể.

- Bước 3: Trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2.4. Việc biệt phái sĩ quan trong lực lượng vũ trang và cán bộ cơ quan Trung ương thực hiện nhiệm vụ đặc thù theo quy định của pháp luật và phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Điều 47. Trách nhiệm thi hành

1. Các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tạo điều kiện để cán bộ được điều động, biệt phái sớm ổn định công tác và sinh hoạt.

2. Các cấp uỷ, cơ quan, đơn vị và cá nhân cán bộ phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định điều động, biệt phái của cấp có thẩm quyền.

Chương VII CHO THÔI GIỮ CHỨC VỤ, TỪ CHỨC, MIỄN NHIỆM, ĐỐI VỚI CÁN BỘ

Điều 48. Nguyên tắc cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm

1. Kịp thời xem xét cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ khi có đủ căn cứ. Không thực hiện việc cho thôi giữ chức vụ, cho từ chức đối với cán bộ thuộc trường hợp phải miễn nhiệm (trừ trường hợp quy định tại Điểm 3, Điều 52).

2. Khuyến khích cán bộ tự nguyện thôi giữ chức vụ, từ chức khi không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, không còn đủ uy tín hoặc vi phạm chưa đến mức phải miễn nhiệm.

Điều 49. Căn cứ xem xét cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm

1. Đối với việc cho thôi giữ chức vụ

1.1. Chịu trách nhiệm người đứng đầu (trừ trường hợp vì lý do bất khả kháng hoặc người đứng đầu có thời gian giữ chức vụ chưa đủ 1 năm) khi địa phương, cơ quan, đơn vị chỉ hoàn thành dưới 70% số chỉ tiêu, nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch trong năm hoặc không hoàn thành 5 chỉ tiêu kinh tế - xã hội cơ bản được cấp có thẩm quyền giao, phê duyệt: (1) Tốc độ tăng trưởng kinh tế. (2) Thu ngân sách nhà nước. (3) Giải ngân vốn đầu tư công. (4) Thu nhập bình quân đầu người. (5) Giảm tỉ lệ hộ nghèo.

1.2. Chịu trách nhiệm (trừ trường hợp vì lý do bất khả kháng) nếu kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao về xây dựng Đảng, xây dựng thể chế, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh,... theo đánh giá của cấp có thẩm quyền trong năm hoặc định kỳ của cá nhân hoặc cơ quan, đơn vị, địa phương mà mình là người đứng đầu (hoặc cấp phó của người đứng đầu được phân công chỉ đạo trực tiếp) không đạt chỉ tiêu, kế hoạch theo quy định hoặc các quyết định, quy chế, quy định, đề án, chương trình, dự án quan trọng do cơ quan, đơn vị mình phụ trách chủ trì tham mưu, đề xuất ban hành mà cơ quan chức năng kết luận không hiệu quả hoặc có nguy cơ gây hậu quả xấu,...

1.3. Quan liêu, xa dân, không giải quyết kịp thời ý kiến, nguyện vọng, lợi ích, khiếu nại, tố cáo chính đáng, hợp pháp của Nhân dân, của doanh nghiệp thuộc thẩm quyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao và bị cơ quan có thẩm quyền kết luận, đánh giá gây bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng xấu đến uy tín, cơ quan, đơn vị.

1.4. Chịu trách nhiệm người đứng đầu khi để xảy ra điểm nóng phức tạp kéo dài liên quan đến quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn và bị cơ quan có thẩm quyền kết luận, đánh giá gây hậu quả nghiêm trọng.

1.5. Là người đứng đầu thiếu trách nhiệm, không kịp thời xử lý khi phát hiện cán bộ, đảng viên thuộc quyền quản lý trực tiếp vi phạm nghiêm trọng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Đối với việc từ chức

2.1. Cán bộ tự nguyện xin từ chức và được xem xét cho từ chức khi có một trong các căn cứ sau:

(1) Do bản thân nhận thấy hạn chế về năng lực lãnh đạo, quản lý hoặc không còn đủ uy tín để hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao.

(2) Có trên 50% số phiếu tín nhiệm thấp tại kỳ lấy phiếu theo quy định.

(3) Vì lý do khác của cá nhân.

(4) Là người đứng đầu để cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách trực tiếp hoặc cấp dưới trực tiếp xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực nghiêm trọng nhưng chưa đến mức phải xem xét, xử lý kỷ luật theo quy định.

(5) Trong nhiệm kỳ giữ chức vụ có 02 năm không liên tiếp bị xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ.

(6) Có hành vi vi phạm về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và bị cơ quan có thẩm quyền kết luận, đánh giá gây bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng xấu đến uy tín tổ chức, cá nhân.

(7) Để vợ, chồng, con vi phạm pháp luật của Nhà nước; sa vào tệ nạn xã hội và bị cơ quan có thẩm quyền kết luận, đánh giá gây bức xúc trong dư luận, làm ảnh hưởng xấu đến uy tín của bản thân và cơ quan, đơn vị.

(8) Để người khác lợi dụng chức vụ, quyền hạn của bản thân để trục lợi và bị cơ quan có thẩm quyền kết luận, đánh giá gây hậu quả nghiêm trọng, bức xúc trong dư luận, làm ảnh hưởng xấu đến uy tín cá nhân và tổ chức (trừ trường hợp bản thân không biết).

(9) Không dám làm, không dám chịu trách nhiệm, đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, không thực hiện công việc thuộc thẩm quyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao và bị cơ quan có thẩm quyền kết luận, đánh giá gây hậu quả rất nghiêm trọng, dư luận xấu, bức xúc trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Đối với trường hợp nêu tại Điểm (2) nêu trên, nếu cán bộ không tự nguyện từ chức thì cấp có thẩm quyền xem xét cho thôi giữ chức vụ; đối với các trường hợp nêu tại Điểm (4), (5), (6), (7), (8), (9) nêu trên, nếu cán bộ không tự nguyện từ chức thì cấp có thẩm quyền xem xét miễn nhiệm.

2.2. Những trường hợp không được từ chức

(1) Đang đảm nhận nhiệm vụ liên quan đến quốc phòng, an ninh quốc gia, nhiệm vụ trọng yếu, cơ mật, chưa hoàn thành nhiệm vụ mà cần tiếp tục đảm nhiệm nhiệm vụ do bản thân cán bộ đã thực hiện, nếu cán bộ từ chức sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến nhiệm vụ mà đơn vị được giao.

(2) Đang trong thời gian chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra của các cơ quan chức năng có thẩm quyền.

(3) Những trường hợp có đủ căn cứ miễn nhiệm nêu tại điểm 3.5, 3.6, 3.7, 3.8, 3.9, Khoản 3 Điều này.

3. Đối với việc miễn nhiệm

3.1. Bị kỷ luật cảnh cáo và bị cấp có thẩm quyền đánh giá năng lực hạn chế, uy tín giảm sút, không thể tiếp tục đảm nhiệm chức vụ được giao.

3.2. Bị kỷ luật khiển trách liên quan đến chức trách, nhiệm vụ được giao 2 lần trở lên trong một nhiệm kỳ hoặc thời hạn bổ nhiệm.

3.3. Có trên 2/3 số phiếu tín nhiệm thấp tại kỳ lấy phiếu theo quy định.

3.4. Có 02 năm liên tiếp bị xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ (liên quan đến thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao).

3.5. Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá”; vi phạm những điều đảng viên không được làm; vi phạm trách nhiệm nêu gương, gây bức xúc trong dư luận, làm ảnh hưởng xấu đến uy tín của bản thân và cơ quan, đơn vị nơi đang công tác.

3.6. Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận vi phạm tiêu chuẩn chính trị theo quy định về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng đến mức phải miễn nhiệm.

3.7. Là người đứng đầu để cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách trực tiếp hoặc cấp dưới trực tiếp xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực gây hậu quả rất nghiêm trọng theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền nhưng chưa đến mức phải xem xét, xử lý kỷ luật theo quy định.

3.8. Là người đứng đầu để cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách trực tiếp xảy ra mâu thuẫn, mất đoàn kết nghiêm trọng theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

3.9. Vi phạm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến mức phải miễn nhiệm theo kiến nghị của cơ quan có thẩm quyền.

Đối với các trường hợp nêu tại Điểm 3.1, 3.2, 3.3, 3.4, nếu cán bộ tự nguyện xin từ chức thì cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

Điều 50. Thẩm quyền, trách nhiệm cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm

1. Cấp có thẩm quyền bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử theo quy định thì có thẩm quyền xem xét, quyết định cho cán bộ thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm.

2. Đối với cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định của cấp trên thì cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo báo cáo cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ đề xuất cấp có thẩm quyền cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm.

3. Cấp uỷ, tập thể lãnh đạo, cơ quan, đơn vị cấp trên có quyền yêu cầu cấp dưới xem xét, thực hiện việc cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ khi có đủ căn cứ theo Quy định này.

Điều 51. Quy trình xem xét và hồ sơ cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm

1. Quy trình xem xét cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm

1.1. Trong thời gian 10 ngày làm việc, khi có đủ căn cứ cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm thì cấp uỷ, tập thể lãnh đạo, người đứng đầu cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ hoặc cơ quan tham mưu về công tác cán bộ có trách nhiệm trao đổi với cán bộ và đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

1.2. Cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm trong thời gian 10 ngày làm việc; trường hợp cần thiết vì lý do khách quan thì có thể kéo dài không quá 15 ngày làm việc.

1.3. Căn cứ quyết định của cấp có thẩm quyền, các cơ quan có liên quan thực hiện quy trình, thủ tục theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, điều lệ, quy chế hoạt động của từng tổ chức.

2. Hồ sơ cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm:

2.1. Tờ trình của cơ quan tham mưu về công tác cán bộ; đơn xin từ chức của cán bộ đối với trường hợp từ chức.

2.2. Quyết định, kết luận, thông báo, ý kiến của cơ quan có thẩm quyền, biên bản hội nghị, đơn của cán bộ xin từ chức, báo cáo đề nghị của cơ quan sử dụng cán bộ và các tài liệu có liên quan.

Điều 52. Bố trí công tác đối với cán bộ sau khi cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm

1. Đối với cán bộ sau khi cho thôi giữ chức vụ

Cán bộ sau khi cho thôi giữ chức vụ thì cấp có thẩm quyền căn cứ tình hình thực tế xem xét, bố trí chức vụ thấp hơn một cấp so với chức vụ đảm nhiệm trước đó hoặc chức vụ phù hợp (trường hợp không còn số lượng chức vụ thấp hơn một

cấp theo quy định) và không quan trọng hơn; sau ít nhất từ 12 tháng công tác ở vị trí, chức vụ mới, nếu cán bộ được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện thì được cấp có thẩm quyền xem xét việc quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử chức danh tương đương với chức vụ đảm nhiệm khi cho thôi giữ chức vụ theo quy định.

2. Đối với cán bộ sau khi từ chức

2.1. Trường hợp thời gian công tác còn dưới 05 năm

a) Cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý thì Ban Thường vụ Thành ủy xem xét từng trường hợp cụ thể.

b) Cán bộ thuộc thẩm quyền của cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị quản lý nào thì cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ đó xem xét, bố trí làm công tác chuyên môn (không làm công tác lãnh đạo, quản lý, được giữ nguyên ngạch công chức đã được bổ nhiệm).

2.2. Trường hợp thời gian công tác còn từ 05 năm trở lên

a) Cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí công tác như trường hợp thời gian công tác còn dưới 05 năm theo nguyên tắc như Điểm 2.1, Khoản 1, Điều 52 nêu trên.

b) Trường hợp cán bộ còn thời gian công tác từ 05 năm trở lên thì cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí chức vụ thấp hơn một cấp so với chức vụ đảm nhiệm trước đó hoặc chức vụ phù hợp (trường hợp không còn số lượng chức vụ thấp hơn một cấp theo quy định); sau ít nhất từ 24 tháng công tác ở vị trí, chức vụ mới, nếu khắc phục tốt các vi phạm, khuyết điểm, hạn chế, yếu kém (nếu có), được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện thì được cấp có thẩm quyền xem xét quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử chức danh tương đương với chức vụ đảm nhiệm khi từ chức theo quy định.

3. Đối với cán bộ sau khi miễn nhiệm

3.1. Cán bộ sau khi miễn nhiệm thì cấp có thẩm quyền xem xét bố trí làm công tác chuyên môn (không làm công tác lãnh đạo, quản lý); sau ít nhất từ 36 tháng công tác ở vị trí mới, nếu khắc phục tốt các sai phạm, khuyết điểm, được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện thì được cấp có thẩm quyền xem xét quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử theo quy định.

3.2. Đối với các trường hợp nêu tại Điểm 3.1, 3.2, 3.3, 3.4, Khoản 3, Điều 49, nếu cán bộ tự nguyện xin từ chức thì cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí chức vụ thấp hơn một cấp so với chức vụ đảm nhiệm trước đó hoặc chức vụ phù hợp (trường hợp không còn số lượng chức vụ thấp hơn một cấp theo quy định); sau ít nhất từ 24 tháng công tác ở vị trí, chức vụ mới nếu khắc phục tốt các sai phạm, khuyết điểm, hạn chế, yếu kém, được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện thì được cấp có thẩm quyền xem xét quy hoạch, bổ

nhiệm, giới thiệu ứng cử chức danh tương đương với chức vụ đảm nhiệm khi miễn nhiệm theo quy định.

4. Nếu cán bộ sau khi thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm mà có nguyện vọng nghỉ công tác, nghỉ hưu thì được giải quyết chế độ, chính sách theo quy định hiện hành.

Chương VIII

THẨM QUYỀN CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU TRONG VIỆC TẠM ĐÌNH CHỈ CÔNG TÁC ĐỐI VỚI CÁN BỘ CẤP DƯỚI

Điều 53. Phạm vi, đối tượng trong việc tạm đình chỉ công tác

1. Áp dụng đối với người đứng đầu cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị (sau đây gọi tắt là người đứng đầu) tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ cấp dưới trong trường hợp cần thiết hoặc khi có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Việc tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Thành uỷ quản lý do Thường trực Thành uỷ xem xét, quyết định.

Việc tạm đình chỉ đối với các chức danh cấp uỷ viên, đại biểu Hội đồng nhân dân, các chức danh tư pháp, uỷ viên uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và uỷ viên ban chấp hành các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và điều lệ của tổ chức.

3. Việc tạm đình chỉ công tác nhằm ngăn chặn kịp thời tác động tiêu cực, cản trở việc xem xét, xử lý vi phạm đối với cán bộ. Nghiêm cấm lợi dụng việc tạm đình chỉ công tác vì mục đích cá nhân.

4. Người đứng đầu khi đã có thông báo nghỉ hưu, nghỉ công tác chờ nghỉ hưu, chuyển công tác hoặc đang bị xem xét kỷ luật, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết tố cáo phải báo cáo và được sự đồng ý của thường trực cấp uỷ cấp trên trực tiếp (hoặc cấp uỷ cấp trên trực tiếp đối với những nơi không có thường trực cấp uỷ) trước khi thực hiện thẩm quyền tạm đình chỉ công tác.

5. Người đứng đầu xem xét kịp thời ban hành quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ theo quy định mà không cần phải tiến hành thảo luận và biểu quyết trong tập thể lãnh đạo.

Điều 54. Căn cứ xem xét tạm đình chỉ công tác

1. Căn cứ tạm đình chỉ công tác trong trường hợp cần thiết

1.1. Cán bộ có hành vi vi phạm về phẩm chất đạo đức, lối sống gây ảnh hưởng tiêu cực, bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng xấu đến uy tín tổ chức, cá nhân.

1.2. Cán bộ có tình trì hoãn, đùn đẩy, né tránh trách nhiệm, không thực hiện công việc thuộc thẩm quyền theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

1.3. Cán bộ có hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức trong quá trình thực thi công vụ.

1.4. Cán bộ đang bị xem xét, xử lý kỷ luật mà cố ý trì hoãn, trốn tránh không thực hiện yêu cầu của cấp có thẩm quyền trong quá trình xem xét, xử lý vi phạm của bản thân hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn, ảnh hưởng của mình, của người khác để tác động, gây khó khăn cho việc xem xét, xử lý.

1.5. Cán bộ bị kỷ luật đảng bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức và đang trong thời gian chờ xem xét, xử lý chức vụ chính quyền mà nếu tiếp tục công tác sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị.

2. Căn cứ tạm đình chỉ công tác trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng

2.1. Cán bộ bị khởi tố bị can để phục vụ công tác điều tra.

2.2. Trong quá trình xem xét, xử lý hành vi vi phạm của cán bộ, có cơ sở xác định phải xử lý kỷ luật từ cảnh cáo trở lên hoặc xử lý bằng pháp luật hình sự mà cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án có văn bản đề nghị tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ.

Điều 55. Thẩm quyền, trách nhiệm trong việc tạm đình chỉ công tác

1. Thẩm quyền của người đứng đầu và quyền của cán bộ bị tạm đình chỉ công tác

1.1. Thẩm quyền của người đứng đầu

(1) Trên cơ sở ý kiến của Thường trực Thành uỷ, người đứng đầu quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ cấp dưới theo danh mục (nêu tại Phụ lục 5), khi có một trong những căn cứ được quy định tại Điều 54. Trường hợp chưa có trong danh mục thì do người đứng đầu cấp có thẩm quyền bổ nhiệm và quản lý xem xét, quyết định tạm đình chỉ công tác.

(2) Đề nghị cơ quan chức năng cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến việc ra quyết định tạm đình chỉ công tác hoặc yêu cầu cơ quan chức năng kiểm tra, xác minh làm rõ, xử lý vi phạm theo quy định.

(3) Yêu cầu cán bộ bị tạm đình chỉ công tác chấp hành các yêu cầu của cơ quan chức năng hoặc người có thẩm quyền để phục vụ công tác xác minh, làm rõ, xử lý vi phạm.

1.2. Quyền của cán bộ bị tạm đình chỉ công tác

(1) Có quyền đề nghị người đứng đầu xem xét lại quyết định tạm đình chỉ công tác nếu có căn cứ xác định việc tạm đình chỉ công tác không đúng quy định.

(2) Được khôi phục lại quyền, lợi ích hợp pháp của mình khi được cơ quan chức năng kết luận không vi phạm, không bị xử lý kỷ luật hoặc xử lý hình sự.

(3) Chế độ, chính sách đối với cán bộ bị tạm đình chỉ công tác được thực hiện như thời điểm chưa bị tạm đình chỉ công tác.

2. Trách nhiệm của cá nhân, tổ chức trong việc tạm đình chỉ công tác

2.1. Trách nhiệm của người đứng đầu

(1) Kịp thời ra quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ cấp dưới khi có một trong những căn cứ được quy định tại Điều 54; huỷ bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác trong trường hợp không đúng quy định hoặc khi có kết luận không vi phạm, đồng thời báo cáo cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ.

(2) Chịu trách nhiệm về việc ra quyết định tạm đình chỉ công tác, huỷ bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác. Công bố quyết định tạm đình chỉ công tác, quyết định huỷ bỏ tạm đình chỉ công tác trong cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác và gửi quyết định tạm đình chỉ công tác, quyết định huỷ bỏ tạm đình chỉ công tác đến các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

(3) Khi hết thời hạn tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ, nếu có nhiều tình tiết phức tạp cần có thời gian tiếp tục xác minh, làm rõ vi phạm của cán bộ thì báo cáo cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ trước khi gia hạn tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ.

2.2. Trách nhiệm của cán bộ bị tạm đình chỉ công tác

(1) Chấp hành nghiêm quyết định tạm đình chỉ công tác.

(2) Cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu có liên quan và chấp hành yêu cầu của người đứng đầu, cấp có thẩm quyền trong quá trình xác minh, làm rõ, xử lý vi phạm.

2.3. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan: Tổ chức, cá nhân có liên quan phải chịu trách nhiệm về công tác tham mưu, đề xuất, đề nghị và ra quyết định tạm đình chỉ công tác và thực hiện việc tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 56. Thời hạn, thủ tục, hồ sơ tạm đình chỉ công tác

1. Thời hạn tạm đình chỉ công tác

1.1. Thời hạn tạm đình chỉ công tác trong trường hợp cần thiết không quá 30 ngày làm việc, trường hợp phải gia hạn thì thời gian gia hạn tạm đình chỉ công tác tối đa không quá 30 ngày làm việc.

1.2. Thời hạn tạm đình chỉ công tác trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước thực hiện theo văn bản đề nghị của cơ quan tiến hành tố tụng, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, thi hành án.

1.3. Quyết định tạm đình chỉ công tác đương nhiên hết hiệu lực thi hành khi hết thời hạn tạm đình chỉ công tác.

2. Thủ tục tạm đình chỉ công tác

2.1. Khi xác định có một trong những căn cứ được quy định tại Điều 54 thì chậm nhất sau 02 ngày làm việc, cơ quan tổ chức cán bộ có trách nhiệm tham mưu người đứng đầu ra quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ.

2.2. Chậm nhất sau 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề xuất của cơ quan tổ chức cán bộ, người đứng đầu ra quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ.

2.3. Trong 03 ngày làm việc, kể từ ngày có đủ cơ sở để huỷ bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác thì người đứng đầu ra quyết định huỷ bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác đối với cán bộ.

2.4. Quyết định tạm đình chỉ công tác và quyết định huỷ bỏ quyết định tạm đình chỉ công tác được gửi đến cán bộ bị tạm đình chỉ công tác, công bố trong cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ và gửi đến cơ quan, đơn vị có liên quan.

3. Quản lý hồ sơ

Quyết định tạm đình chỉ công tác, quyết định huỷ bỏ tạm đình chỉ công tác và tài liệu liên quan phải lưu vào hồ sơ cán bộ, được quản lý, sử dụng theo quy định.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 57. Căn cứ các quy định của Đảng, Nhà nước và Quy định này, các đảng ủy trực thuộc Thành ủy; các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Thành ủy; Đảng ủy Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố; lãnh đạo các địa phương, cơ quan, đơn vị quy định cụ thể việc phân cấp, thẩm quyền, trách nhiệm, nội dung quản lý cán bộ; quy trình, thủ tục quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử, bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử, điều động, biệt phái, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, đưa ra khỏi quy hoạch đối với cán bộ trong diện được phân cấp quản lý (cả đương chức và nghỉ hưu) và hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện của cấp dưới. Đồng thời thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ các quy định, quy chế của cấp uỷ, cơ quan, đơn vị đã ban hành, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, liên thông với Quy định này; ban hành chậm nhất 30 ngày (01 tháng) sau khi Quy định này có hiệu lực.

Điều 58. Đối với việc giới thiệu nhân sự đại hội đảng bộ các cấp và bầu cử đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp thực hiện theo quy định riêng của Trung ương. Việc thực hiện quy trình giới thiệu nhân sự đại hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ các cấp thực hiện theo quy định của Điều lệ, hướng dẫn của ngành dọc cấp trên.

Điều 59. Ban Tổ chức Thành uỷ chủ trì, phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Thành uỷ và các cơ quan liên quan hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định này; kịp thời đề xuất, kiến nghị với cấp có thẩm quyền xử lý đối với các trường hợp vi phạm theo quy định; định kỳ tổng hợp, báo cáo Ban Thường vụ Thành uỷ.

Điều 60. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này có hiệu lực từ ngày ký và thay thế các quy định trước đây

về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, bố trí cán bộ sau kỷ luật; định hướng thực hiện công tác cán bộ đối với cán bộ có vi phạm, khuyết điểm hoặc bị thi hành kỷ luật, cán bộ có người thân vi phạm kỷ luật.

2. Trường hợp Trung ương có quy định khác về các nội dung được quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định của Trung ương.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương (để báo cáo),
- Ban Tổ chức Trung ương (để báo cáo),
- Các đảng bộ trực thuộc Thành ủy,
- Đảng ủy HĐND thành phố, Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc VN thành phố,
- Các ban, cơ quan của Thành ủy,
- Các sở, ban, ngành thành phố,
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố, các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ,
- Các đồng chí Ủy viên Thành ủy,
- Lưu Văn phòng Thành ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ



Lê Tiến Châu

PHỤ LỤC 1
CHỨC DANH CÁN BỘ DO BAN THƯỜNG VỤ THÀNH ỦY,
THƯỜNG TRỰC THÀNH ỦY, ĐẢNG ỦY CÁC CƠ QUAN ĐẢNG
THÀNH PHỐ, ĐẢNG ỦY ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ, ĐẢNG ỦY
MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM THÀNH PHỐ
QUẢN LÝ VÀ CHO Ý KIẾN
(kèm theo Quy định số 145-QĐ/TU, ngày 30/12/2025
của Ban Thường vụ Thành ủy)

I. CHỨC DANH DO BAN THƯỜNG VỤ THÀNH ỦY TRỰC TIẾP
QUẢN LÝ, QUYẾT ĐỊNH HOẶC CHO Ý KIẾN

1. Cấp thành phố

1.1. Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố; Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy.

1.2. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố; Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố; Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố Hải Phòng.

1.3. Cấp trưởng, cấp phó các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc của Thành ủy (Văn phòng, Ban Tổ chức, Ủy ban Kiểm tra, Ban Tuyên giáo và Dân vận, Ban Nội chính); Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Thành ủy; Giám đốc, Phó Giám đốc Báo và phát thanh, truyền hình Hải Phòng; Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng Trường Chính trị Tô Hiệu; Thư ký đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Thành ủy.

1.4. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố.

1.5. Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố; trưởng ban, phó trưởng ban các ban của Hội đồng nhân dân thành phố.

1.6. Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; giám đốc, phó giám đốc các sở, ngành; Trưởng ban, Phó Trưởng Ban Quản lý Khu Kinh tế Hải Phòng.

1.7. Giám đốc, Phó Giám đốc các Ban Quản lý dự án trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố (không bao gồm các ban quản lý khu vực).

2. Cấp xã

2.1. Bí thư, phó bí thư đảng ủy.

2.2. Chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân.

3. Đảng ủy Các cơ quan đảng thành phố, Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố: Bí thư, phó bí thư đảng ủy.

4. Bộ Chỉ huy Quân sự, Công an, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố:

4.1. Bí thư, phó bí thư đảng uỷ: Quân sự, Công an thành phố.

4.2. Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng, Chính uỷ, Phó Chính uỷ Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố; Giám đốc, Phó Giám đốc Công an thành phố.

II. CHỨC DANH CÁN BỘ BAN THƯỜNG VỤ THÀNH ỦY ỦY QUYỀN CHO THƯỜNG TRỰC THÀNH ỦY QUẢN LÝ, QUYẾT ĐỊNH HOẶC CHO Ý KIẾN

1. Cấp phó các tổ chức chính trị - xã hội thành phố: Liên đoàn Lao động, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thành phố.

2. Cấp trưởng các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở thành phố.

3. Chủ tịch Hội đồng, Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Phòng; Chủ tịch Hội đồng, Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý, Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp; Giám đốc Bệnh viện đa khoa Hải Dương.

4. Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

5. Chủ tịch Hội đồng, Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

6. Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố; Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân thành phố.

7. Cấp trưởng và cấp phó các cơ quan, đơn vị ngành dọc Trung ương trên địa bàn thành phố (trừ các đối tượng thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ Thành uỷ tại Mục I).

8. Lãnh đạo các doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý có vốn nhà nước chi phối trên địa bàn thành phố.

9. Đại biểu Quốc hội đương nhiệm.

10. Người đại diện phần vốn của Thành uỷ tại các doanh nghiệp có vốn góp của Thành uỷ và cán bộ quản lý doanh nghiệp tại các doanh nghiệp Thành uỷ nắm giữ 100% vốn điều lệ.

III. CHỨC DANH DO ĐẢNG ỦY ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRỰC TIẾP QUẢN LÝ, QUYẾT ĐỊNH (NGOÀI DIỆN BAN THƯỜNG VỤ THÀNH ỦY, THƯỜNG TRỰC THÀNH ỦY QUẢN LÝ)

1. Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố (chức danh cơ cấu).

2. Các chức danh cán bộ khối chính quyền, doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thành phố (bệnh viện, trung tâm y tế, trường cao đẳng, trường dạy nghề...), cán bộ cử sang liên doanh với nước ngoài, liên doanh trong nước ngoài diện Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy quyết định, cho ý kiến.

3. Phó Chủ tịch Hội đồng trường, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Phòng; Phó Chủ tịch Hội đồng trường, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Hải Dương; Phó Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp; Phó Giám đốc Bệnh viện đa khoa Hải Dương; hiệu trưởng, hiệu phó các trường cao đẳng trực thuộc thành phố.

4. Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sĩ; Thầy thuốc, Nhà giáo, Nghệ sĩ Nhân dân; Thầy thuốc, Nhà giáo, Nghệ sĩ Ưu tú; Nghệ nhân Ưu tú, Nghệ nhân Nhân dân; các chuyên gia, các nhà khoa học đầu ngành của thành phố đang công tác.

5. Người đại diện phần vốn nhà nước tham gia hội đồng thành viên, hội đồng quản trị và giữ chức vụ chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng quản trị, tổng giám đốc (giám đốc), phó tổng giám đốc (phó giám đốc) tại các doanh nghiệp mà nhà nước góp vốn (có bên trong nước và nước ngoài tham gia góp vốn).

IV. CHỨC DANH DO ĐẢNG ỦY HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢN LÝ, QUYẾT ĐỊNH

Ủy viên các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố.

IV. CHỨC DANH DO ĐẢNG ỦY MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM THÀNH PHỐ QUẢN LÝ, QUYẾT ĐỊNH

Cấp phó các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở thành phố.

PHỤ LỤC 2
ĐỐI TƯỢNG GIỚI THIỆU QUY HOẠCH CÁC CHỨC DANH
CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ

*(Kèm theo Quy định số 145-QĐ/TU, ngày 30/12/2025
của Ban Thường vụ Thành ủy)*

I. Quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý; quy hoạch Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy

Thực hiện theo Quy định số 377-QĐ/TW, ngày 08/10/2025 của Bộ Chính trị về về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ.

II. Quy hoạch chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố

1. Đối tượng 1: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 02 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2: Cấp trưởng, cấp phó các ban, sở, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị ở thành phố và tương đương (được quy hoạch chức danh cấp trưởng); phó bí thư đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy; bí thư đảng ủy cấp xã.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 02 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

III. Quy hoạch chức danh cấp trưởng các ban, sở, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội thành phố và tương đương

1. Đối tượng 1

Cấp phó các ban, sở, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị ở thành phố và tương đương; phó bí thư đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy; bí thư đảng ủy cấp xã.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2

Phó bí thư đảng uỷ, chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Kiểm tra Thành uỷ và tương đương; trưởng phòng của ban, sở, ngành thành phố và tương đương trở lên; uỷ viên ban thường vụ chuyên trách đảng uỷ cấp trên cơ sở trực thuộc Thành uỷ, uỷ viên ban thường vụ các tổ chức chính trị - xã hội thành phố.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

IV. Quy hoạch chức danh bí thư cấp uỷ cấp xã

1. Đối tượng 1

Phó bí thư đảng uỷ, chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Kiểm tra Thành uỷ và tương đương.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2

Uỷ viên ban thường vụ đảng uỷ, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã và tương đương.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

V. Quy hoạch chức danh cấp phó các ban, sở, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội thành phố và tương đương

1. Đối tượng 1

Phó bí thư đảng uỷ, chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Kiểm tra Thành uỷ và tương đương; trưởng phòng của ban, sở, ngành thành phố và tương đương trở lên; uỷ viên ban thường vụ chuyên trách đảng uỷ cấp trên cơ sở trực thuộc Thành uỷ, uỷ viên ban thường vụ các tổ chức chính trị - xã hội thành phố.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 2 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 1 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2

Uỷ viên ban thường vụ đảng uỷ, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; cấp phó các ban, cơ quan chuyên trách tham mưu,

giúp việc của đảng uỷ cấp trên cơ sở trực thuộc Thành uỷ; cấp phó các ban, cơ quan trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố; cấp phó trưởng phòng của ban, sở, ngành thành phố và tương đương.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 2 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

VI. Quy hoạch chức danh Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Thành uỷ; phó bí thư đảng uỷ, chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu.

1. Đối tượng 1

Ủy viên ban thường vụ đảng uỷ, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; trưởng phòng của ban, sở, ngành thành phố và tương đương.

Các đồng chí được quy hoạch nhiệm kỳ kế tiếp phải đủ tuổi công tác 02 nhiệm kỳ trở lên, ít nhất trọn 01 nhiệm kỳ (60 tháng) đối với cả nam và nữ; đối với rà soát, bổ sung quy hoạch hằng năm cho nhiệm kỳ hiện tại, phải đủ tuổi công tác ít nhất từ 60 tháng trở lên.

2. Đối tượng 2

Cấp phó trưởng phòng thuộc các ban, sở, ngành thành phố và tương đương; ủy viên ban chấp hành đảng bộ cấp xã và tương đương.

Các đồng chí này phải được quy hoạch chức danh đối tượng 1 và còn đủ tuổi công tác ít nhất trọn 02 nhiệm kỳ trở lên đối với cả nam và nữ.

PHỤ LỤC 3
QUY TRÌNH QUY HOẠCH CÁC CHỨC DANH LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ
(kèm theo Quy định số 145-QĐ/TU, ngày 30/12/2025
của Ban Thường vụ Thành ủy)

**I. QUY TRÌNH QUY HOẠCH CÁC CHỨC DANH: PHÓ CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, PHÓ CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN, PHÓ
TRƯỞNG ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI THÀNH PHỐ**

1. Xây dựng kế hoạch quy hoạch đầu nhiệm kỳ

Căn cứ Quy định của Ban Thường vụ Thành ủy về công tác quy hoạch cán bộ và cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ theo quy định; trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ và yêu cầu nhiệm vụ chính trị thành phố, Thường trực Thành ủy chỉ đạo Ban Tổ chức Thành ủy thực hiện các công việc sau: (1) Tham mưu xây dựng kế hoạch triển khai công tác quy hoạch chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố gắn với quy hoạch Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy; (2) Tiến hành rà soát, đánh giá nguồn cán bộ để dự kiến danh sách nguồn nhân sự cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý theo quy định.

2. Quy trình quy hoạch

2.1 Bước 1: Hội nghị Ban Thường vụ Thành ủy (lần 1)

- Trên cơ sở báo cáo của Ban Tổ chức Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy thảo luận, phân tích và thông qua: (1) Kế hoạch triển khai công tác quy hoạch cán bộ và danh sách nguồn nhân sự cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định; (2) Bỏ phiếu đưa ra khỏi quy hoạch đối với những trường hợp không đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định (trừ các trường hợp đương nhiên ra khỏi quy hoạch). (3) Ghi phiếu định hướng giới thiệu nhân sự quy hoạch.

- Nguyên tắc:

+ Những đồng chí có trên 50% tổng số người được triệu tập đồng ý đưa ra khỏi quy hoạch thì báo cáo, đề xuất đưa ra khỏi quy hoạch.

+ Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 30% trở lên so với tổng số người được triệu tập để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

Bước 2: Hội nghị cán bộ chủ chốt

Trên cơ sở kết quả định hướng giới thiệu nhân sự ở bước 1, hội nghị tiến hành thảo luận và phát hiện, ghi phiếu giới thiệu nhân sự quy hoạch (bằng phiếu kín).

- Thành phần: Ủy viên Thành ủy; cấp trưởng các tổ chức chính trị - xã hội, các sở, ban, ngành, đơn vị cấp thành phố (bao gồm cả các cơ quan ngành dọc sinh hoạt đảng tại thành phố); bí thư đảng ủy các xã, phường, đặc khu.

- Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

Bước 3: Hội nghị Thành ủy

- Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2, hội nghị tiến hành thảo luận và ghi phiếu giới thiệu nhân sự quy hoạch (bằng phiếu kín).

- Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

Bước 4: Hội nghị Ban Thường vụ Thành ủy (lần 2).

- Căn cứ cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và kết quả giới thiệu nhân sự ở các bước, Ban Thường vụ Thành ủy tiến hành thảo luận và ghi phiếu biểu quyết giới thiệu nhân sự (bằng phiếu kín) để đưa vào danh sách đề nghị phê duyệt quy hoạch.

- Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định.

Trường hợp ở cuối danh sách có từ 02 người trở lên có số phiếu bằng nhau trên 50% thì giao người đứng đầu xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự.

II. QUY TRÌNH QUY HOẠCH CÁC CHỨC DANH CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ

1. Quy trình quy hoạch đầu nhiệm kỳ và rà soát, bổ sung quy hoạch từ nguồn nhân sự tại chỗ

(1) Xây dựng kế hoạch quy hoạch đầu nhiệm kỳ

Căn cứ cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ có trình độ khoa học, công nghệ theo quy định; trên cơ sở tình hình đội ngũ cán bộ và yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị, ban thường vụ cấp ủy, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị chỉ đạo cơ quan tổ chức, cán bộ thực hiện các công việc sau: (i) Xây dựng kế hoạch quy hoạch cán bộ của địa phương, cơ quan, đơn vị. (ii) Tiến hành rà soát, đánh giá nguồn cán bộ để dự kiến danh sách nguồn nhân sự cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc diện Trung ương quản lý.

(2) Quy trình quy hoạch

Gồm 4 bước, thành phần tham dự hội nghị tương tự như đối với việc kiện toàn, giới thiệu cán bộ ứng cử tại Phụ lục 4 kèm theo Quy định này.

Bước 1: Hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 1)

Trên cơ sở báo cáo của cơ quan tổ chức, cán bộ, tập thể lãnh đạo: (i) Thảo luận, thông qua kế hoạch triển khai công tác quy hoạch cán bộ của địa phương, cơ quan, đơn vị và danh sách nguồn nhân sự cơ bản đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định. (ii) Bỏ phiếu đưa ra khỏi quy hoạch đối với những trường hợp không đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định (trừ các trường hợp đương nhiên ra khỏi quy hoạch). (iii) Ghi phiếu định hướng giới thiệu nhân sự quy hoạch.

- Nguyên tắc:

+ Những đồng chí có trên 50% tổng số người được triệu tập đồng ý đưa ra khỏi quy hoạch thì báo cáo, đề xuất đưa ra khỏi quy hoạch.

+ Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 30% trở lên so với tổng số người được triệu tập để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

Bước 2: Tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt

- Trên cơ sở kết quả định hướng giới thiệu nhân sự ở bước 1, hội nghị tiến hành thảo luận và phát hiện, ghi phiếu giới thiệu nhân sự quy hoạch (bằng phiếu kín).

- Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

Bước 3: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo mở rộng

- Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2, hội nghị tiến hành thảo luận và ghi phiếu giới thiệu nhân sự quy hoạch (bằng phiếu kín).

- Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người có mặt để đưa vào danh sách giới thiệu ở bước sau.

Bước 4: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 2).

Căn cứ cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và kết quả giới thiệu nhân sự ở các bước, tập thể lãnh đạo tiến hành thảo luận và ghi phiếu biểu quyết giới thiệu nhân sự (bằng phiếu kín) để đưa vào danh sách đề nghị phê duyệt quy hoạch.

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định.

Trường hợp ở cuối danh sách có từ 02 người trở lên có số phiếu bằng nhau trên 50% thì giao người đứng đầu xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự.

*** Lưu ý:**

- Các hội nghị được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số người được triệu tập có mặt.
- Kết quả kiểm phiếu ở bước 1, 4 được công bố tại hội nghị; đối với bước 2, 3 không công bố tại các hội nghị.

2. Quy trình rà soát, bổ sung quy hoạch đối với nguồn nhân sự từ nơi khác

Bước 1: Chuẩn bị và xác định nguồn quy hoạch

Căn cứ cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ có trình độ khoa học, công nghệ theo quy định; đồng thời, trên cơ sở kết quả phê duyệt quy hoạch cán bộ, ban thường vụ cấp ủy, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị chỉ đạo cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ thực hiện các công việc sau: (i) Tiến hành rà soát, đánh giá nguồn cán bộ tại chỗ (trong quy hoạch và ngoài quy hoạch); trong đó, phân tích và xác định rõ cơ cấu, số lượng, chuyên ngành đào tạo, chức danh quy hoạch mà địa phương, cơ quan, đơn vị hiện còn thiếu nguồn nhân sự hoặc có nhưng chưa đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện, yêu cầu đặt ra cần giới thiệu bổ sung quy hoạch từ nguồn nhân sự từ nơi khác. (ii) Nghiên cứu, đề xuất danh sách nguồn nhân sự từ nơi khác đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và yêu cầu nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị.

Bước 2: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 1)

Trên cơ sở báo cáo của cơ quan tham mưu về tổ chức, cán bộ, tập thể lãnh đạo: (i) Thảo luận, phân tích, xác định cơ cấu, số lượng chức danh quy hoạch; đồng thời, thông qua danh sách nguồn nhân sự từ nơi khác. (ii) Ghi phiếu định hướng giới thiệu nhân sự quy hoạch.

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập.

Bước 3: Trao đổi với nhân sự và lấy ý kiến tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác

Đại diện tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị gặp gỡ, trao đổi với nhân sự dự kiến giới thiệu quy hoạch; đồng thời, có văn bản lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị nơi cán bộ công tác về dự kiến chức danh quy hoạch; nhận xét, đánh giá đối với cán bộ và cung cấp hồ sơ nhân sự theo quy định.

Bước 4: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 2)

Tập thể lãnh đạo tiến hành thảo luận và ghi phiếu biểu quyết giới thiệu nhân sự (bằng phiếu kín) để đưa vào danh sách đề nghị phê duyệt quy hoạch.

Nguyên tắc lựa chọn, giới thiệu: Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% so với tổng số người được triệu tập và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định.

Trường hợp ở cuối danh sách có từ 02 người trở lên có số phiếu bằng nhau trên 50% thì giao người đứng đầu xem xét, quyết định lựa chọn nhân sự.

*** Lưu ý:**

- Các hội nghị được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số người được triệu tập có mặt.
 - Thành phần hội nghị ở các bước tương tự như thành phần trong quy trình quy hoạch đầu nhiệm kỳ và rà soát, bổ sung quy hoạch từ nguồn nhân sự tại chỗ.
 - Kết quả kiểm phiếu ở bước 2, 4 được công bố tại hội nghị.
-

PHỤ LỤC 4
QUY TRÌNH BỔ NHIỆM VÀ GIỚI THIỆU CÁN BỘ ỨNG CỬ
CÁC CHỨC DANH LÃNH ĐẠO THUỘC ĐIỆN BAN THƯỜNG VỤ
THÀNH ỦY QUẢN LÝ

(kèm theo Quy định số 145-QĐ/TU, ngày 30/12/2025
của Ban Thường vụ Thành ủy)

1. Đối với các chức danh điện Trung ương quản lý

Thực hiện theo Quy định số 377-QĐ/TW, ngày 14/10/2025 của Bộ Chính trị về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ.

2. Đối với các chức danh Ủy viên Thành ủy, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy

2.1. Bước 1: Hội nghị Thành ủy (lần 1): Đồng chí Bí thư Thành ủy và tập thể Ban Thường vụ Thành ủy.

2.2. Bước 2: Hội nghị Thành ủy (lần 1).

2.3. Bước 3: Hội nghị cán bộ chủ chốt

Thành phần: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố; cấp trưởng các tổ chức chính trị - xã hội, các sở, ban, ngành, đơn vị cấp thành phố (bao gồm cả các cơ quan ngành dọc sinh hoạt đảng tại thành phố); bí thư đảng ủy các xã, phường, đặc khu.

2.4. Bước 4

(4.1) Hội nghị Ban Thường vụ Thành ủy (lần 2): Xem xét kết quả giới thiệu nhân sự tại các bước và cho ý kiến về nhân sự trước khi trình Hội nghị Thành ủy.

(4.2) Hội nghị Thành ủy (lần 2).

3. Đối với chức danh Ủy viên Ủy ban Kiểm tra (chuyên trách), Phó Chủ nhiệm, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thành ủy

3.1. Bước 1: Hội nghị tập thể lãnh đạo Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Thành ủy (Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thành ủy) .

3.2. Bước 2: Hội nghị Ủy ban Kiểm tra Thành ủy.

3.3. Bước 3: Hội nghị cán bộ chủ chốt

Thành phần: Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Thành ủy, trưởng, phó các phòng trực thuộc; bí thư, phó bí thư cấp ủy và trưởng các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc (nếu có).

3.4. Bước 4: Hội nghị tập thể lãnh đạo Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Thành ủy (Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thành ủy)

Trường hợp Ủy ban Kiểm tra Trung ương hoặc cấp có thẩm quyền có quy định khác, thì thực hiện theo quy định của Ủy ban Kiểm tra Trung ương và cấp có thẩm quyền. Giao Ủy ban Kiểm tra Thành ủy đề xuất quy trình giới thiệu nhân sự kiện toàn bổ sung Ủy viên Ủy ban Kiểm tra (chuyên trách), Phó Chủ nhiệm, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thành ủy theo quy định.

4. Đối với các chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và Phó trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố Hải Phòng

1. Bước 1: Hội nghị Ban Thường vụ Thành ủy lần 1.

2. Bước 2: Hội nghị Thành ủy.

3. Bước 3: Hội nghị cán bộ chủ chốt

Thành phần: Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố; cấp trưởng các tổ chức chính trị - xã hội, các sở, ban, ngành, đơn vị cấp thành phố (*bao gồm cả các cơ quan ngành dọc sinh hoạt đảng tại thành phố*); bí thư đảng ủy các xã, phường, đặc khu.

4. Bước 4: Hội nghị Ban Thường vụ Thành ủy lần 2

5. Đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố

5.1. Quy trình giới thiệu nhân sự Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội thành phố

- Bước 1: Hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 1): Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố.

- Bước 2: Hội nghị tập thể lãnh đạo “mở rộng”: Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố; Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, trưởng các ban và tương đương trực thuộc; trưởng các tổ chức chính trị - xã hội của cơ quan, đơn vị.

- Bước 3: Hội nghị cán bộ chủ chốt cơ quan, đơn vị: Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố; Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố; trưởng, phó các ban và tương đương trực thuộc; bí thư các chi bộ; cấp trưởng các tổ chức chính trị - xã hội của cơ quan, đơn vị.

- Bước 4: Hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 2): Thành phần như Bước 1. Tập thể lãnh đạo thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự.

5.2. Quy trình giới thiệu nhân sự cấp phó người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội thành phố: Thực hiện theo hướng dẫn của tổ chức ngành dọc cấp trên.

Trường hợp ngành dọc cấp trên chưa có hướng dẫn cụ thể, thì tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị căn cứ quy trình nhân sự được quy định tại Điều 37, Quy định này, thảo luận, thống nhất về quy trình, thành phần các hội nghị giới thiệu nhân sự, bảo đảm quy định.

6. Đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý của các ban, sở, ngành thành phố và tương đương

6.1. Bước 1: Hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 1): Cấp trưởng và cấp phó cơ quan, đơn vị (đối với các đơn vị sự nghiệp bao gồm chủ tịch hội đồng quản lý).

6.2. Bước 2: Hội nghị tập thể lãnh đạo “mở rộng”: Tập thể lãnh đạo, ủy viên đảng ủy (chi ủy); trưởng các phòng và tương đương, trưởng các đơn vị trực thuộc, cấp trưởng các tổ chức chính trị - xã hội của cơ quan, đơn vị.

6.3. Bước 3: Hội nghị cán bộ chủ chốt cơ quan, đơn vị: Tập thể lãnh đạo, ủy viên đảng ủy (chi ủy); trưởng, phó các phòng và tương đương, trưởng các đơn vị trực thuộc, bí thư các chi bộ và cấp trưởng các tổ chức chính trị - xã hội của cơ quan, đơn vị.

6.4. Bước 4: Hội nghị tập thể lãnh đạo (lần 2): Thành phần như Bước 1.

7. Đối với các chức danh Trưởng ban, Phó Trưởng ban chuyên trách của Hội đồng nhân dân thành phố

7.1. Bước 1: Hội nghị Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố (lần 1).

7.2. Bước 2: Hội nghị tập thể lãnh đạo “mở rộng”: Tập thể Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, ủy viên đảng ủy; trưởng ban, phó trưởng ban; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng.

7.3. Bước 3: Hội nghị cán bộ chủ chốt: Tập thể Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, ủy viên đảng ủy; trưởng ban, phó trưởng ban; Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng; trưởng phòng, phó trưởng phòng thuộc Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố; cấp trưởng các tổ chức chính trị - xã hội của cơ quan.

7.4. Bước 4: Hội nghị Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố (lần 2)

8. Đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý của đảng bộ cấp xã và đảng bộ cấp trên cơ sở

8.1. Bước 1: Hội nghị ban thường vụ cấp ủy (lần 1): Đồng chí bí thư cấp ủy và tập thể ban thường vụ.

8.2. Bước 2: Hội nghị ban chấp hành đảng bộ: Ủy viên ban chấp hành đảng bộ.

8.3. Bước 3: Hội nghị cán bộ chủ chốt:

- Đảng bộ cấp xã: Ủy viên ban chấp hành; chủ tịch, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã; trưởng các phòng, ban và tương đương; cấp

trưởng các tổ chức chính trị - xã hội và tương đương cấp xã; bí thư đảng ủy, chi bộ trực thuộc cấp ủy cấp xã.

- Đảng bộ Các cơ quan đảng thành phố, Đảng bộ Ủy ban nhân dân thành phố: Ủy viên ban chấp hành; trưởng, phó các ban, văn phòng đảng ủy; cấp trưởng các tổ chức chính trị - xã hội; bí thư đảng ủy, chi bộ trực thuộc.

- Đảng bộ các đơn vị lực lượng vũ trang: Thực hiện theo hướng dẫn của Quân uỷ Trung ương, Đảng uỷ Công an Trung ương.

8.4. Bước 4: Hội nghị ban chấp hành hoặc ban thường vụ (theo thẩm quyền)

- Đảng bộ cấp xã:

- + Hội nghị ban chấp hành: Biểu quyết giới thiệu nhân sự đối với các chức danh bí thư, phó bí thư, chủ tịch Hội đồng nhân dân, chủ tịch Ủy ban nhân dân, ủy viên ban thường vụ, ủy viên ban chấp hành, ủy viên ủy ban kiểm tra cấp ủy cấp xã.

- + Hội nghị ban thường vụ: Biểu quyết giới thiệu nhân sự đối với các chức danh: Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân.

- Đảng bộ Các cơ quan đảng thành phố, Đảng bộ Ủy ban nhân dân thành phố và Đảng bộ các đơn vị lực lượng vũ trang: Hội nghị ban chấp hành biểu quyết giới thiệu nhân sự đối với các chức danh: Bí thư, phó bí thư, ủy viên ban thường vụ, ủy viên ban chấp hành.

PHỤ LỤC 5
CÁC CHỨC DANH CÓ THẨM QUYỀN BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH TẠM
ĐÌNH CHỈ CÔNG TÁC ĐỐI VỚI CÁN BỘ CẤP DƯỚI
(Kèm theo Quy định số 145-QĐ/TU, ngày 30/12/2025
của Ban Thường vụ Thành uỷ)

I. ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN CỦA ĐẢNG

1. Bí thư Thành uỷ ban hành quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Phó Bí thư Thành uỷ; trưởng các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Thành uỷ; Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, người đứng đầu các tổ chức chính trị - xã hội thành phố; bí thư đảng uỷ cấp xã.

2. Trưởng các cơ quan chuyên trách, tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Thành uỷ ban hành quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Cấp phó của mình; trưởng, phó đơn vị trực thuộc, người làm việc trong đơn vị của mình.

3. Bí thư đảng uỷ cấp xã ban hành quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Phó bí thư; trưởng, phó, người làm việc trong các ban tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp của đảng uỷ; chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã.

II- ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

1. Hội đồng nhân dân các cấp

1.1. Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố ban hành quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố; trưởng ban, phó trưởng ban, Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố, người làm việc trong Hội đồng nhân dân thành phố; chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã.

1.2. Chủ tịch hội đồng nhân dân cấp xã ban hành quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Phó chủ tịch hội đồng nhân dân cấp xã; trưởng ban, phó trưởng ban và người làm việc trong hội đồng nhân dân cấp xã.

2. Cơ quan hành chính nhà nước

2.1. Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố ban hành quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố; chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã; người đứng đầu các cơ quan chuyên môn, giúp việc trực thuộc Uỷ ban nhân dân cấp thành phố; người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Uỷ ban nhân dân thành phố.

2.2. Người đứng đầu cơ quan chuyên môn, giúp việc, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Uỷ ban nhân dân thành phố ban hành quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Cấp phó, người làm việc trong đơn vị của mình.

2.3. Chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Phó chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã; trưởng, phó các đơn vị trực thuộc và người làm việc trong uỷ ban nhân dân cấp xã.

III. ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN KHÁC

1. Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố ban hành quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Cấp phó của mình; trưởng, phó các đơn vị trực thuộc, người làm việc của Uỷ ban; cấp trưởng các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở thành phố.

2. Phó Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố là trưởng tổ chức chính trị - xã hội thành phố ban hành quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Cấp phó; trưởng, phó các đơn vị trực thuộc, người làm việc trong đơn vị của mình.

3. Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã ban hành quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Cấp phó của mình; trưởng, phó các đơn vị trực thuộc, người làm việc trong Uỷ ban; người làm việc trong các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở cấp xã.

4. Phó Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã là trưởng tổ chức chính trị - xã hội ở xã ban hành quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Cấp phó, người làm việc trong đơn vị của mình.

5. Cấp trưởng các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở thành phố ban hành quyết định tạm đình chỉ công tác đối với: Cấp phó, người làm việc trong đơn vị của mình.

PHỤ LỤC 6
DANH MỤC HỒ SƠ NHÂN SỰ QUY HOẠCH; BỔ NHIỆM,
GIỚI THIỆU ỨNG CỬ; BỔ NHIỆM LẠI, GIỚI THIỆU TÁI CỬ
((kèm theo Quy định số 145-QĐ/TU, ngày 30/12/2025
của Ban Thường vụ Thành ủy)

I. Hồ sơ nhân sự quy hoạch; bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử; bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử

Danh mục hồ sơ nhân sự thống nhất khổ giấy A4 và sắp xếp theo thứ tự sau:

1. Tờ trình và Biên bản kiểm phiếu ở các bước (bảng tổng hợp kết quả kiểm phiếu ở các bước đối với quy hoạch cán bộ).
2. Sơ yếu lý lịch 2C theo quy định hiện hành do cá nhân tự khai và cơ quan trực tiếp quản lý cán bộ xác nhận, có dán ảnh màu khổ 4x6 và đóng dấu theo quy định.
3. Đánh giá, nhận xét 03 năm gần nhất của cấp uỷ, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị, của cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ, về: (1) Phẩm chất đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật, đoàn kết nội bộ. (2) Năng lực công tác và kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; trong đó, thể hiện rõ trong quá trình công tác nhân sự có sản phẩm cụ thể, thành tích công tác, hạn chế, khuyết điểm, vi phạm (nếu có). (3) Uy tín và triển vọng phát triển.
4. Đánh giá, nhận xét của chi bộ cơ sở hoặc đảng uỷ cơ sở nơi công tác.
5. Nhận xét của cấp uỷ nơi cư trú đối với bản thân và gia đình cán bộ.
6. Bản tự nhận xét, đánh giá 03 năm gần nhất của cá nhân.
7. Kết luận về tiêu chuẩn chính trị của cấp có thẩm quyền theo Quy định của Bộ Chính trị về một số vấn đề về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng.
8. Bản kê khai tài sản, thu nhập theo mẫu ban hành kèm theo quy định hiện hành (có ký xác nhận của người kê khai và người nhận bản kê khai theo quy định).
9. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị... (có xác nhận của cơ quan quản lý cán bộ hoặc cơ quan có thẩm quyền).
10. Giấy khám sức khỏe (do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp).

* **Lưu ý:** (i) Các tài liệu nêu tại Mục 2, 3, 4, 5, 6, 8, 10 không quá 6 tháng tính đến thời điểm xem xét. (ii) Đối với bổ nhiệm lại, giới thiệu tái cử (gồm cả kéo dài thời gian giữ chức vụ đến khi nghỉ hưu) thì thành phần hồ sơ không nhất thiết bao gồm tài liệu nêu tại Mục 7, 9 trừ trường hợp có nội dung mới phát sinh.

II. Hồ sơ miễn nhiệm, từ chức

1. Báo cáo của cấp ủy, cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng cán bộ về việc đề nghị miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ.
2. Tờ trình của cơ quan tham mưu về công tác cán bộ.
3. Quyết định, kết luận, thông báo, ý kiến của cơ quan có thẩm quyền; biên bản hội nghị và các tài liệu có liên quan (nếu có).
4. Đơn của cán bộ xin từ chức.

Số lượng hồ sơ báo cáo Thường trực Thành ủy, Ban Thường vụ Thành ủy: 03 bộ đầy đủ.

III. Hồ sơ về việc cán bộ đương chức diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý tham gia thành viên các tổ chức cấp Trung ương; tham gia các tiểu ban, ban chỉ đạo cấp Trung ương và các tổ chức liên địa phương, liên vùng và theo yêu cầu nhiệm vụ

1. Văn bản đề nghị của cấp ủy, cơ quan, đơn vị (kèm theo các biên bản, tài liệu có liên quan (nếu có).
2. Sơ yếu lý lịch 2C do cá nhân tự khai và cơ quan trực tiếp quản lý cán bộ xác nhận; có dán ảnh màu khổ 4x6 và đóng dấu.

Số lượng hồ sơ: 03 bộ
